

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI**



**GIÁO TRÌNH**  
**GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**Hà Nội - 2019**



## Bài 1

### KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### I. Khái niệm, cấu trúc và bản chất chủ nghĩa Mác – Lênin

##### 1. Khái niệm chủ nghĩa Mác- Lênin

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, nhất là từ khi xuất hiện các giai cấp và đấu tranh giai cấp, con người luôn luôn có nguyện vọng sống trong một xã hội hoà bình, mọi người đều bình đẳng, dân chủ, công bằng, ấm no, tự do và hạnh phúc. Để phản ánh nguyện vọng đó, nhiều học thuyết tư tưởng lý luận tiến bộ và nhân đạo đã hình thành và phát triển, dẫn dắt cuộc đấu tranh của nhân dân lao động.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống quan điểm lý luận và học thuyết do C.Mác, Ph. Ăngghen sáng lập từ giữa thế kỷ XIX và được V.I.Lênin bổ sung và phát triển hoàn thiện trong điều kiện mới của lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX.

*Chủ nghĩa Mác- Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị học Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học; là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động nhằm giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ ba bộ phận: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Ba bộ phận trên có đối tượng nghiên cứu khác nhau nhưng đều nằm trong một hệ thống khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, giải phóng xã hội và tiến tới giải phóng con người.

##### 2. Cấu trúc chủ nghĩa Mác - lênin

a. *Triết học Mác - Lênin* (bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên,

xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

*b. Kinh tế chính trị Mác – Lênin* là khoa học nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong; những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

*c. Chủ nghĩa xã hội khoa học* nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới. Nó chứng minh rằng việc xã hội hoá lao động trong chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội; động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó là chủ nghĩa Mác - Lênin; lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

### **3. Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin**

*a. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ các nguyên lý cấu thành học thuyết, trước hết là các nguyên lý trụ cột.*

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn liền với nhau. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên triệt để và phép biện chứng trở thành lý luận khoa học.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử, mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, là một thành tựu vĩ đại của triết học mác-xít. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ rõ sự chuyển biến từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế - xã hội khác diễn ra không phải một cách tự động mà phải trải qua quá trình đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt.

Quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện sự vận động của phương thức sản xuất. Đó là cơ sở để khẳng định sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết Mác về giá trị thặng dư đã vạch ra quy luật vận động kinh tế của xã hội tư bản - quy luật giá trị thặng dư - từ đó vạch ra bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản đã chỉ rõ giai cấp công nhân là người lãnh đạo cuộc đấu tranh để lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, giải phóng giai cấp mình và đồng thời giải phóng xã hội.

*b. Sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mác-xít trong chủ nghĩa Mác - Lênin.*

Bản thân các quy luật, nguyên lý trong chủ nghĩa Mác - Lênin vừa có ý nghĩa thế giới quan, vừa có ý nghĩa phương pháp luận.

Thế giới quan duy vật biện chứng giúp con người hiểu rõ bản chất của thế giới là vật chất. Thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy vận động, biến đổi theo những quy luật khách quan. Con người thông qua hoạt động thực tiễn có thể nhận thức, giải thích, cải tạo thế giới, làm chủ thế giới.

Phương pháp luận đúng đắn giúp xem xét sự vật, hiện tượng một cách khách quan, phân tích cụ thể theo tinh thần biện chứng. Sự thống nhất giữa thế giới quan và phương pháp luận đã đưa chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một hệ thống lý luận mang tính khoa học sâu sắc và cách mạng triệt để.

*c. Là học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với con đường, lực lượng, phương thức đạt mục tiêu đó.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ quần chúng nhân dân là chủ nhân của xã hội, là người sáng tạo ra lịch sử. Điều đó đem lại cho loài người, đặc biệt là giai cấp công nhân, nhân dân lao động những công cụ nhận thức và cải tạo thế giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội và giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ giải thích mà còn vạch ra con đường, những phương tiện cải tạo thế giới.

Ra đời trong thực tiễn đấu tranh của phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định mối liên hệ hữu cơ, biện chứng giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng. C. Mác viết: “*Vũ khí của sự phê phán có nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng*”<sup>1</sup>.

*d. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng tự đổi mới, tự phát triển trong hệ thống tri thức của nhân loại.*

Mang bản chất khoa học, nên chủ nghĩa Mác- Lênin không phải là một hệ thống các nguyên lý giáo điều, bất biến mà gắn với quá trình phát triển của tri thức nhân loại và phong trào cách mạng trên thế giới. Chính C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã nhiều lần khẳng định học thuyết của các ông không phải là cái đã xong xuôi hẳn, còn nhiều điều các ông chưa có điều kiện, thời gian, cơ hội nghiên cứu. Phát triển lý luận Mác - Lênin là trách nhiệm của các thế hệ kế tiếp sau, của những người mác-xít chân chính. Ngay bản thân các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình nghiên cứu và hoạt động trong phong trào công nhân cũng đã điều chỉnh một số luận điểm của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở. Vì vậy, nó không bao giờ là một học thuyết lý luận cứng nhắc và giáo điều. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, làm cho học thuyết của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Toàn bộ học thuyết Mác - Lênin có giá trị bền vững, xét trong tinh thần biện chứng, nhân đạo và hệ thống tư tưởng cốt lõi của nó. Đó là những kết tinh trí tuệ của nhân loại trong lịch sử để ngày càng phát triển và hoàn thiện.

## **II. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin**

### **A. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN**

#### **1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

##### **a. Bản chất của thế giới**

+ **Quan điểm duy tâm.** Quan điểm này cho rằng bản chất thế giới là ý thức, ý thức là cái có trước, vật chất là cái có sau, ý thức quy định vật chất.

+ **Quan điểm duy vật.** Quan điểm này khẳng định bản chất của thế giới là vật chất. Vật chất có trước, ý thức là có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một phần thế giới vật chất vào đầu óc con người.

### **b. Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin**

#### **+ Định nghĩa**

Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới biểu hiện rất đa dạng, phong phú khác nhau nhưng đều có chung bản chất vật chất. V.I. Lênin định nghĩa: "*Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác*"<sup>2</sup>.

#### **+ Nội dung định nghĩa**

*Thứ nhất*, với tư cách là phạm trù triết học (phân biệt với các khái niệm hay phạm trù của các khoa học cụ thể khác) dùng để chỉ mọi thực tại khách quan. Thực tại đó biểu hiện sự tồn tại của nó dưới các hình thức cụ thể là các sự vật, hiện tượng tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, không phụ thuộc vào ý thức của con người.

*Hai là*, thuộc tính cơ bản nhất, chung nhất của các dạng vật chất là tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào cảm giác, ý thức của con người. Có thể hiểu mọi thứ tồn tại khách quan đều là vật chất.

*Ba là*, vật chất tồn tại khách quan thông qua các sự vật cụ thể. Khi vật chất tác động vào giác quan, gây nên cảm giác. Được cảm giác của chúng ta ghi lại. Vì vậy con người có khả năng nhận thức được thế giới. Với ý nghĩa đó, vật chất phải là cái có trước; còn cảm giác, ý thức của con người là cái có sau, là cái phụ thuộc vào vật chất, chỉ là sự phản ánh đối với vật chất, có nguồn gốc từ vật chất.

#### **+ Ý nghĩa phương pháp luận**

Định nghĩa vật chất của Lênin:

+ Giải quyết được vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng khẳng định vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức.

+ Mở đường cho các ngành khoa học cụ thể đi sâu nghiên cứu thế giới, tìm thêm những dạng mới của vật chất, đem lại niềm tin cho con người trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.

### **c. Phương thức tồn tại của vật chất**

#### **• Vận động của vật chất**

+ **Khái niệm:** “*Vận động là phương thức tồn tại của vật chất, bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy*”

Vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, nên thông qua vận động mà vật chất biểu hiện ra các dạng cụ thể của mình. Sự vận động của vật chất là vĩnh viễn.

+ **Nguồn gốc vận động của vật chất.** là sự vận động tự thân, do mâu thuẫn bên trong bản thân sự vật quyết định, do tác động qua lại giữa các yếu tố trong cùng một sự vật hay giữa các sự vật với nhau.

#### **+ Các hình thức vận động**

Ph.Ăng-ghe-n đã chia vận động thành 5 hình thức cơ bản là vận động cơ học, lý học, hóa học, sinh học và vận động xã hội.

(*Đọc thêm: Vận động cơ giới, là sự dịch chuyển vị trí của các vật thể trong không gian.*

*Vận động vật lý, là sự vận động của các phân tử, điện tử, các hạt cơ bản, các quá trình nhiệt, điện...*

*Vận động hoá học, là sự biến đổi các chất vô cơ, hữu cơ trong các quá trình hoá học, phân giải các chất.*

*Vận động sinh học, là sự biến đổi của các cơ thể sống theo môi trường, biến thái cấu trúc gen v.v...*

*Vận động xã hội, là sự biến đổi trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, v.v của đời sống xã hội, của các hình thái kinh tế - xã hội).*



**+ Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối tạm thời**

Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối là một trong những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật. Vận động là tuyệt đối vì vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất. Không ở đâu, không lúc nào có vật chất mà lại không có sự vận động.

Đứng im là tương đối vì nó chỉ xảy ra với một hình thức vận động, có tính chất cá biệt, chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định. Không có đứng im tương đối thì không thể có những sự vật cụ thể, xác định và con người không thể nhận thức được bất cứ cái gì. Trong đứng im vẫn có vận động, nên đứng im là tương đối.

+ **Ý nghĩa của vấn đề:** cho ta cách nhìn sự vật một cách toàn diện, phát triển trong trạng thái động; không cứng nhắc, cố định khi tình hình đã thay đổi.

**• Không gian và thời gian**

Khái niệm không gian dùng để chỉ vị trí tồn tại của sự vật, hiện và kết cấu hình dạng của chúng; còn khái niệm thời gian dùng để chỉ quá trình vận động, biến đổi của các sự vật, hiện tượng.

*Ý nghĩa của vấn đề:* là muốn nhận thức đúng sự vật, hiện tượng, nhất thiết phải có quan điểm lịch sử cụ thể, xem xét nó trong không gian, thời gian nhất định.

**• Tính thống nhất của thế giới**

Tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó. Tính chất ấy tồn tại khách quan, độc lập với ý thức. Thế giới vật chất là vô tận, vận động, chuyển hoá lẫn nhau. Tất cả đều là nguyên nhân, đều là kết quả của nhau, đều là vật chất. Mỗi lĩnh vực của giới tự nhiên hay xã hội dù hình thức biểu hiện ở những dạng cụ thể khác nhau chúng đều là vật chất, có nguồn gốc vật chất; liên hệ, kết cấu và đều chịu chi phối bởi những quy luật chung, khách quan của thế giới vật chất.

Các học thuyết về khoa học tự nhiên như thuyết tiến hóa của các loài, học thuyết về tế bào, học thuyết tiến hóa và bảo toàn năng lượng... đã chứng minh thế giới có các mối liên hệ với nhau và thống nhất với nhau ở tính vật chất. Sự ra đời chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật, đặc biệt là chủ

nghĩa duy vật lịch sử chứng minh xã hội loài người ra đời từ tự nhiên, là sự phát triển liên tục của tự nhiên đã khẳng định tính thống nhất của thế giới ở tính vật chất của nó không chỉ trong tự nhiên, mà cả trong xã hội.

*Ý nghĩa của vấn đề:* là trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, mỗi người phải từ bản thân sự vật, hiện thực khách quan mà phân tích, xem xét nó trong mối quan hệ giữa cái cục bộ, cái riêng lẻ thống nhất trong cái toàn thể, cái chung, không được chủ quan kết luận.

**d. Quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**

- **Nguồn gốc và bản chất của ý thức**

Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Nói cách khác ý thức là hình ảnh của thế giới khách quan được chuyển vào đầu óc con người và cải biến đi. Tuy xuất phát từ thế giới khách quan, nhưng do tâm sinh lý, mục đích, yêu cầu và điều kiện hoàn cảnh chủ quan của con người phản ánh nên cùng một đối tượng nhưng kết quả phản ánh có thể khác nhau.

+ *Nguồn gốc của ý thức*

- *Nguồn gốc tự nhiên của ý thức*

*Một là: phải có bộ óc con người.* Ý thức là thuộc tính của vật chất, nhưng không phải là thuộc tính của mọi dạng vật chất, mà chỉ là thuộc tính của một dạng vật chất đặc biệt, được tổ chức cao là bộ óc con người.

*Hai là :* *phải có thế giới khách quan* (tự nhiên, xã hội) tồn tại bên ngoài con người, là đối tượng của ý thức. Không có thế giới khách quan thì không có gì để ý thức phản ánh. Nguồn gốc tự nhiên của ý thức là sự tương tác giữa thế giới khách quan và bộ óc con người.

- *Nguồn gốc xã hội của ý thức*

+ *Một là, Lao động* làm thay đổi cấu trúc cơ thể, phát triển khí quan, phát triển bộ não, v.v... của con người.

Nhờ có lao động, mà những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của tự nhiên tác động vào bộ óc người, hình thành dần những tri thức và ý thức.

+ **Hai là**, ngôn ngữ ra đời vì trong lao động mà con người cần trao đổi, quan hệ, liên hệ với nhau. Ngôn ngữ không chỉ trao đổi thông tin, tình cảm mà còn là công cụ của tư duy, diễn đạt hiểu biết của con người, trở thành tín hiệu vật chất của ý thức.

Trong hai nguồn gốc trên của ý thức thì nguồn gốc xã hội có ý nghĩa quyết định sự ra đời của ý thức. Nguồn gốc trực tiếp cho sự ra đời của ý thức là thực tiễn hoạt động sản xuất, hoạt động xã hội, thực nghiệm khoa học.

+ **Bản chất của ý thức**

*Ý thức là sự phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.*

Điều đó xuất phát từ lý luận phản ánh và đặc trưng các dạng phản ánh. Phản ánh là thuộc tính của mọi dạng vật chất thông qua những liên hệ, quan hệ, tác động qua lại giữa các sự vật, hiện tượng.

Đặc trưng của phản ánh dạng vô cơ có tính chất cơ, lý, hóa là thụ động, giản đơn, không có sự lựa chọn. Phản ánh dạng động vật có hệ thần kinh thông qua hệ thống phản xạ. Phản xạ không điều kiện là phản xạ bản năng với môi trường, tự phát, không thông qua rèn luyện. Phản xạ có điều kiện là phản xạ được hình thành thông qua rèn luyện. Phản ánh dạng động vật cấp cao là dạng phản ánh có yếu tố tâm lý vui buồn, lo sợ...trong các mối quan hệ. Tất cả những dạng phản ánh trên, tuy mức độ, trình độ có sự khác nhau, đều là phản ánh của các dạng vật chất.

Phản ánh của bộ óc người với hiện thực khách quan là sự phản ánh đặc biệt của ý thức. Nó thể hiện:

*Một là*, phản ánh có quy trình theo trình tự trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng, có chọn lọc và định hướng, mô hình hóa đối tượng tư duy, hiện thực hoá đối tượng qua hoạt động thực tiễn.

*Hai là*, phản ánh mang tính chủ động, tích cực, sáng tạo, không phản ánh y nguyên như chụp, chép, mà có chọn lọc theo mục đích, yêu cầu lợi ích của con người, có dự báo những khía cạnh mới, thuộc tính mới. Phản ánh này có sự kết

hợp cả cảm giác lẫn tư duy, cả trực tiếp lẫn gián tiếp, cả hiện tại lẫn quá khứ và tương lai, phản ánh vừa có tính cụ thể hóa, vừa có tính khái quát hóa.

Với những đặc trưng trên về sự phản ánh, ý thức không những có khả năng phản ánh đúng hiện thực, đúng bản chất sự vật, mà còn có khả năng vạch ra những quy luật vận động phát triển và có thể dự báo được tương lai của hiện thực.

### **e. Quan hệ giữa vật chất và ý thức**

Triết học Mác-Lênin khẳng định vật chất quyết định ý thức và ý thức có tác động trở lại vật chất. Ý thức dù có năng động đến đâu, dù có vai trò to lớn đến đâu, xét đến cùng bao giờ nó cũng bị yếu tố vật chất quyết định.

#### **• *Vật chất quyết định ý thức***

+ Vật chất là tiền đề, là cơ sở và nguồn gốc cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức.

+ Điều kiện vật chất như thế nào thì ý thức như thế đó.

+ Khi cơ sở vật chất, điều kiện vật chất thay đổi thì ý thức cũng thay đổi theo.

+ Vật chất quyết định ý thức là quyết định cả nội dung, bản chất và khuynh hướng vận động phát triển của ý thức. Cơ sở và điều kiện vật chất là thực tiễn, là nơi hình thành công cụ và phương tiện kiểm nghiệm nhận thức thế giới của con người đúng hay sai.

• ***Ý thức tác động trở lại vật chất:*** Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định nhưng ý thức có tác động to lớn đối với vật chất qua hoạt động thực tiễn của con người:

+ Ý thức phản ánh hiện thực khách quan vào con người, giúp con người hiểu được bản chất, quy luật vận động phát triển của sự vật hiện tượng để hình thành phương hướng, mục tiêu và những phương pháp, cách thức thực hiện phương hướng, mục tiêu đó.

+ Ý thức làm cho con người hoạt động đúng hay sai, hiệu quả hay không.

+ Nhờ có ý thức, con người biết lựa chọn những khả năng phù hợp thúc đẩy sự vật phát triển nhanh hơn.

+ Ý thức, tinh thần có vai trò quyết định đối với hoạt động thực tiễn chỉ đúng trong một giới hạn hẹp, ở một trạng thái, một tình huống, một thời điểm nhất định. Hơn nữa, yếu tố ý thức, tinh thần đó không thể vượt ra khỏi hoàn cảnh khách quan quy định, không thay thế được yếu tố vật chất khách quan. Nó chỉ là sự phát hiện và sử dụng có hiệu quả yếu tố vật chất.

- ***Ý nghĩa của quan hệ giữa vật chất và ý thức***

+ Để đảm bảo sự thành công của hoạt động nhận thức hay thực tiễn, con người phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan. Không nên lấy ý kiến chủ quan của mình làm căn cứ cho lý luận, hành động, dễ dẫn đến sai lầm và thất bại.

+ Mặt khác, cần phải phát huy tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của con người, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại trong nhận thức và hành động cải tạo thế giới.

## **2. Phép biện chứng duy vật**

Phép biện chứng duy vật là lý luận khoa học về các mối liên hệ phổ biến về sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất của mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Phép biện chứng duy vật bao gồm hai nguyên lý cơ bản; sáu cặp phạm trù<sup>3</sup> và ba quy luật cơ bản.

### **a. Hai nguyên lý cơ bản**

- **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**

Thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng nhưng chúng thống nhất với nhau ở tính vật chất nên chúng luôn có mối liên hệ lẫn nhau.

+ ***Một số khái niệm***

*Mối liên hệ* chỉ sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng.

*Mối liên hệ phổ biến*: chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng.

+ ***Tính chất của mối liên hệ phổ biến***

*Các mối liên hệ đó có tính khách quan* vì chúng là cái vốn có của các sự vật, hiện tượng; các mối liên hệ tồn tại độc lập không phụ thuộc vào ý chí của con người.

*Các mối liên hệ có tính phổ biến* vì giữa các yếu tố, bộ phận cấu thành sự vật, hiện tượng có liên hệ với nhau; giữa các quá trình trong sự vận động phát triển của thế giới cũng liên hệ với nhau. Trong tự nhiên, xã hội và trong tư duy, các sự vật, hiện tượng cũng có liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau.

*Mối liên hệ có tính đa dạng, phong phú.* Có mối liên hệ bên trong là mối liên hệ giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật hay một hệ thống. Có mối liên hệ bên ngoài là mối liên hệ giữa vật này với vật kia, hệ thống này với hệ thống kia. Có mối liên hệ chung, lại có mối liên hệ riêng biệt. Có mối liên hệ trực tiếp không thông qua khâu trung gian lại có mối liên hệ gián tiếp, thông qua khâu trung gian. Có mối liên hệ tất nhiên và mối liên hệ ngẫu nhiên, mối liên hệ cơ bản và mối liên hệ không cơ bản...

+ **Ý nghĩa:** *Lý luận trên là cơ sở lý luận cho quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể. Nghĩa là:*

**Một là,** khi nhận thức mỗi người phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, xem xét kỹ các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng;

**Hai là,** cần tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

- **Nguyên lý về sự phát triển**

- + **Khái niệm phát triển**

*Là khái niệm dùng để chỉ sự vận động theo khuynh hướng đi lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến ngày càng hoàn thiện hơn*

+ *Phát triển* là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng; là quá trình hoàn thiện về chất và nâng cao trình độ của chúng. Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới và nó có tính phổ biến, được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ *Ý nghĩa của vấn đề:*

**Một là**, nguyên lý về sự phát triển giúp chúng ta nhận thức sự vật, hiện tượng theo hướng vận động phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện với tư tưởng định kiến, bảo thủ.

**Hai là**, mỗi thành công hay thất bại được xem xét khách quan, toàn diện để có tư tưởng lạc quan, tin tưởng tìm hướng giải quyết theo hướng tốt lên.

#### **b. Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật**

##### **• Nhận thức chung về quy luật**

+ **Khái niệm.** Quy luật là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, bên trong, có tính phổ biến và được lặp đi lặp lại giữa các mặt, các yếu tố trong cùng một sự vật, hiện tượng, hay giữa các sự vật hiện tượng.

+ **Phân loại quy luật.** Trong thế giới khách quan có nhiều quy luật khác nhau. Có những quy luật chung, phổ biến tác động trong cả lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. Có những quy luật riêng, quy luật đặc thù chỉ tác động trong một hay một số mặt trong một lĩnh vực nào đó. Các quy luật đều có tính khách quan, là quy luật vốn có của thế giới vật chất.

**Quy luật tự nhiên** diễn ra một cách tự phát, thông qua sự tác động của các lực lượng tự nhiên, không cần sự tham gia của con người. Quy luật của xã hội được hình thành và tác động thông qua hoạt động của con người.

**Quy luật xã hội** thường biểu hiện ra như một xu hướng, không biểu hiện ra theo quan hệ trực tiếp, có tính xác định với từng việc, từng người. Các sự kiện trong đời sống xã hội nếu xảy ra trong thời gian càng dài, không gian càng rộng, lặp đi, lặp lại thì tính quy luật của nó biểu hiện càng rõ. Kết quả tác động của quy luật xã hội phụ thuộc vào sự nhận thức và vận dụng của con người. Con người là chủ thể của xã hội, của lịch sử. Không có con người thì không có xã hội, không có quy luật xã hội. Quy luật của xã hội vừa là tiền đề, vừa là kết quả hoạt động của con người.

##### **+ Tính khách quan của quy luật và vai trò của con người**

Tính khách quan vốn có của quy luật do những mối liên hệ bản chất tất nhiên bên trong của nó quyết định. Con người không thể sáng tạo hay xoá bỏ quy luật theo ý muốn chủ quan của mình, nhưng con người có thể chủ động phát hiện,

nhận thức và vận dụng tạo ra những điều kiện thuận lợi, hoặc hạn chế tác hại của quy luật nhằm phục vụ nhu cầu lợi ích của mình.

### ***Vai trò của con người***

**Một là**, khi con người chưa nhận thức được quy luật hoặc hành động tùy tiện bất chấp quy luật thì sẽ tất yếu bị quy luật đáp trả và thất bại.

**Hai là**, khi con người nhận thức được quy luật và chủ động, tự giác hành động, tác động theo quy luật một cách tích cực, sáng tạo thì con người trở thành tự do. Tự do không có nghĩa là hoạt động tùy tiện, bất chấp quy luật, mà tự do chính là nhận thức được tất yếu.

### **• Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập (gọi tắt là quy luật mâu thuẫn)**

+ **Vị trí của quy luật.** đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. Nó vạch ra nguồn gốc động lực của sự phát triển và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật.

#### **+ Một số khái niệm**

**Mặt đối lập**, là những mặt trái ngược nhau, tồn tại trong cùng một sự vật, hiện tượng. Sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. *Khái niệm mặt đối lập dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính, những khuynh hướng vận động trái ngược nhau nhưng làm điều kiện, tiền đề tồn tại của nhau.* (Ví dụ: Trong nguyên tử có điện tử và hạt nhân; trong sinh vật có đồng hóa và dị hóa; trong nhận thức có sự “đấu tranh” giữa nhu cầu cần hiểu biết với khả năng hiểu biết; giữa hiểu biết đúng với hiểu biết sai v.v...).

*Mâu thuẫn, mâu thuẫn dùng để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập của mỗi sự vật hiện tượng hoặc giữa các sự vật hiện tượng với nhau.*

#### **+ Nội dung quy luật**

Nội dung quy luật này làm rõ một số phạm trù cơ bản sau: **“mặt đối lập”, “sự thống nhất”, “đấu tranh của các mặt đối lập”**

**- Sự vật nào cũng là thể thống nhất của các “mặt đối lập”**



**Thống nhất của các mặt đối lập:** là phạm trù chỉ sự nương tựa vào nhau, đòi hỏi có nhau, sự tồn tại của mặt này phải lấy sự tồn tại của mặt kia làm điều kiện và tiền đề.

VD: nguyên tử là thể thống nhất của hai mặt đối lập của hạt nhân mang điện tích dương và điện tử mang điện tích âm.

VD: xã hội có giai cấp đối kháng là thể thống nhất giữa các giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột và các giai cấp bị trị, bị áp bức và bóc lột...

**- Các mặt đối lập trong mỗi sự vật vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau**

**Đấu tranh của các mặt đối lập:** là sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ, phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập:

Sự đấu tranh của các mặt đối lập còn là “**sự triển khai các mặt đối lập**” với một quá trình phức tạp, quá trình ấy được chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại có những đặc trưng riêng

Đấu tranh của các mặt đối lập đưa đến sự chuyển hoá của các mặt đối lập.  
VD: đấu tranh gia cấp làm biến đổi các hình thái kinh tế- xã hội

Nó diễn ra các dạng sau: có thể làm thay đổi các yếu tố, các bộ phận của mỗi mặt đối lập. Có thể làm cho cả hai mặt đối lập chuyển lên một trình độ cao hơn. Cũng có thể làm cho cả hai mặt đối lập đó mất đi, hình thành hai mặt đối lập mới

**Chú ý:** sự vật khác nhau thì phương thức đấu tranh khác nhau; sự đấu tranh của các mặt đối lập diễn ra trong tự nhiên khác với diễn ra trong xã hội và tư duy

**- Đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc, động lực của sự phát triển**

Đấu tranh của các mặt đối lập làm cho thể thống nhất cũ bị phá vỡ, thể thống nhất mới được xác lập, sự vật phát triển. **Lênin nói:** “Sự phát triển là một cuộc “đấu tranh” của các mặt đối lập”

**VD: trong xã hội:** đấu tranh giữa LLSX và QHSX được xem là nguồn gốc, động lực phát triển, đưa xã hội chuyển từ xã hội này sang xã hội khác cao hơn

**VD: trong nhận thức:** “đấu tranh” giữa nhu cầu cần hiểu biết và khả năng hiểu biết; giữa hiểu biết đúng và hiểu biết sai...

**- Đấu tranh của các mặt đối lập là tuyệt đối còn thống nhất là tương đối**

Bởi vì tính tương đối của sự thống nhất có quan hệ hữu cơ với sự đứng im, ổn định tạm thời của sự vật. Tính tuyệt đối của sự đấu tranh có mối quan hệ gắn bó với tính tuyệt đối của sự vận động và phát triển.

+ **Ý nghĩa PPL:** Quy luật mâu thuẫn là cơ sở lý luận để nghiên cứu sự vật hiện tượng bắt đầu từ những mâu thuẫn:

**Một là:** vì mâu thuẫn có tính khách quan, phổ biến và là nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển, do vậy trong nhận thức và thực tiễn cần phải tôn trọng mâu thuẫn, phát hiện mâu thuẫn, phân tích đầy đủ các mặt đối lập, nắm được bản chất, nguồn gốc, khuynh hướng của sự vận động phát triển.

**Hai là:** Trong mỗi sự vật tồn tại nhiều mâu thuẫn, nên khi nghiên cứu giải quyết mâu thuẫn phải có quan điểm cụ thể, để có những phương pháp cụ thể cho phù hợp.

**Ba là:** Khi giải quyết mâu thuẫn phải theo phương thức đấu tranh các mặt đối lập; chống xu hướng dung hoà, cải lương, cơ hội trong cuộc đấu tranh giải quyết mâu thuẫn trong xã hội có giai cấp.

- **Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại (gọi tắt là quy luật lượng chất)**

+ **Vị trí của quy luật,** quy luật này vạch ra cách thức cơ bản, phổ biến của sự vận động, phát triển của mọi sự vận động và phát triển diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ **Khái niệm**

*Chất của sự vật,* là tổng hợp các những thuộc tính khách quan vốn có của nó nói lên nó là cái gì, để phân biệt nó với cái khác.

*Lượng của sự vật,* chỉ nói lên con số của những thuộc tính cấu thành nó như về độ to, nhỏ, quy mô lớn, bé, trình độ cao thấp, tốc độ nhanh chậm....Lượng là cái khách quan vốn có của sự vật.

+ **Quan hệ biện chứng giữa lượng và chất**

- Chất và lượng tồn tại khách quan, là hai mặt tồn tại không thể tách rời nhau trong cùng một sự vật

- Sự thống nhất giữa lượng và chất được thể hiện trong giới hạn nhất định gọi là “độ”.

### **Độ là gì?**

*Là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự thống nhất giữa lượng và chất, nó có một khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản về chất. Mô hình:*

**Điểm nút:** Là điểm giới hạn mà khi lượng đạt tới đó sẽ làm thay đổi về chất của sự vật.

### **Bước nhảy:**.....

- Sự vật biến đổi chính là chất lượng biến đổi, nhưng chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt biến động hơn.

Lượng biến đổi trong giới hạn “**độ**” thì sự vật chưa biến đổi, nhưng lượng biến đổi vượt “**độ**” thì nhất định gây nên sự biến đổi về chất. Chất biến đổi thì sự vật biến đổi; chất biến đổi gọi là “**nhảy vọt**”. VD: nước sôi ở nhiệt độ 100 C và bốc hơi

- Chất mới ra đời đòi hỏi lượng mới, đó là điều ngược lại của mối quan hệ giữa lượng và chất: làm quy mô, tốc độ, nhịp điệu giới hạn phát triển về lượng thay đổi

**Kết luận:** quy luật này thể hiện quan hệ biện chứng giữa hai mặt “lượng” và “chất” trong một sự vật. Chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt biến đổi thường xuyên. Lượng biến đổi mâu thuẫn với khuôn khổ của chất cũ, phá vỡ chất cũ chất mới ra đời với lượng mới. Những lượng mới lại tiếp tục biến đổi, đến một giới hạn nào đó, lại phá vỡ chất mà nay đã cũ đi, hiện đang kìm hãm. Cứ thế tạo nên cách thức vận động và phát triển của sự vật.

+ Ý nghĩa của quy luật:

Một là, con người nhận thức và hoạt động thực tiễn phải tích lũy lượng để thực hiện biến đổi về chất (“tích tiểu thành đại”, “góp gió thành bão”) của các sự vật hiện tượng, khắc phục được khuynh hướng chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy liên tục.

Hai là, cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó khăn, lo sợ không dám thực hiện những bước nhảy vọt khi có đủ điều kiện. Trong hoạt động thực tiễn, cần tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan. Khi có tình thế, thời cơ khách quan thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi quyết định.

- **Quy luật phủ định của phủ định**

- + **Vị trí của quy luật**, quy luật này vạch ra khuynh hướng cơ bản, phổ biến của sự vận động, phát triển của mọi sự vận động và phát triển diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

- + **Nội dung của quy luật**

- **Khái niệm và đặc trưng phủ định biện chứng**

1) **Khái niệm**, Thế giới vẫn tồn tại, vận động phát triển không ngừng. *Sự vật hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác. Sự thay thế đó gọi là phủ định.*

**Nhận xét:** phủ định siêu hình là phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống, tan rã. Phủ định biện chứng là phủ định gắn liền với sự vận động phát triển.

2) **Đặc trưng của phủ định biện chứng:**

**Một là**, sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong, vốn có của sự vật.

**Hai là**, phủ định có sự kế thừa yếu tố tích cực của sự vật cũ và được cải biến đi cho phù hợp với cái mới. Đó là kế thừa có chọn lọc.

**Ba là**, sự phủ định vô tận. Cái mới phủ định cái cũ, nhưng cái mới không mới mãi, nó sẽ bị cái mới khác phủ định. Không có lần phủ định nào là lần phủ định cuối cùng.

**Bốn là**, phủ định biện chứng gắn với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; mỗi loại sự vật có phương thức phủ định riêng. Phủ định trong tự nhiên khác với phủ định trong xã hội, và cũng khác với phủ định trong tư duy.

- **Phủ định của phủ định**

1) **Tính chu kỳ của sự phát triển**

Chu kỳ của sự phát triển là từ một điểm xuất phát, trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm xuất phát nhưng trên cơ sở cao hơn. VD: hạt thóc – cây lúa – những hạt thóc(2 lần); bướm - trứng - ấu trùng – kén – nhộng – bướm(5 lần)

### *1) Đặc điểm của quy luật*

*Phủ định lần thứ nhất*: làm cho sự vật trở thành cái đối lập với chính nó, tức là chuyển cái khẳng định sang cái phủ định. VD: cây lúa phủ định hạt thóc.

Hạt thóc: khẳng định

Cây lúa: phủ định

*Phủ định lần thứ hai(phủ định của phủ định)*: sự vật mới ra đời đối lập với cái đối lập, hên sự vật dường như quay trở lại cái cũ nhưng trên cơ sở cao hơn

- *Khuyh hướng của sự phát triển - hình thức “xoáy ốc”*

**Lênin viết**: “Nếu quan niệm lịch sử thế giới phát triển đều đặn, không có vấp vấp quanh co, không có thụt lùi là không biện chứng, không khoa học, không đúng về mặt lý luận”.

### *+ Ý nghĩa của quy luật*

*Một là*, khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, con người phải tôn trọng tính khách quan, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc.

*Hai là*, mỗi người cần bên vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ.

*Ba là*, khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

## **3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử**

### *a. Vai trò của sản xuất và phương thức sản xuất trong đời sống xã hội*

#### **• Sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất**

#### *+ Khái niệm sản xuất, sản xuất vật chất*

- **Sản xuất:** là một loại hình hoạt động đặc trưng của con người và xã hội loài người, bao gồm: sản xuất vật chất; sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người.

Chú ý: ba quá trình đó gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau trong đó sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại, phát triển của xã hội.

### - **Sản xuất vật chất**

Là một trong những hoạt động đặc trưng của con người – là một loại hoạt động thực tiễn với mục đích cải biến các đối tượng của giới tự nhiên theo nhu cầu tồn tại, phát triển của con người và xã hội.

### + **Vai trò của sản xuất vật chất**

Con người sáng tạo ra lịch sử và là chủ thể của lịch sử. Để tồn tại và phát triển, trước tiên con người phải ăn uống, ở và mặc trước khi làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... Muốn vậy, họ phải lao động sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan, là cơ sở của sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội; từ đó mới hình thành các quan điểm tư tưởng, quan hệ xã hội và các thiết chế xã hội khác nhau. **Sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội.**

Trong các yếu tố hợp thành hình thái kinh tế-xã hội thì lực lượng sản xuất là yếu tố năng động và cách mạng nhất, luôn phát triển một cách khách quan. Lực lượng sản xuất phát triển tất yếu dẫn đến sự thay đổi của quan hệ sản xuất; từ đó kéo theo sự thay đổi của các quan hệ xã hội khác làm cho xã hội phát triển.

Chủ nghĩa Mác- Lênin chỉ rõ nguyên nhân và động lực của sự phát triển xã hội chính là do sự phát triển của sản xuất vật chất. Sản xuất ra của cải vật chất là yêu cầu khách quan và phát triển xã hội.

### • **Phương thức sản xuất vật chất và vai trò của phương thức sản xuất**

#### + **Khái niệm phương thức sản xuất và cấu trúc của nó**

- **Phương thức sản xuất**, là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

#### - **Cấu trúc của phương thức sản xuất vật chất**

**Lực lượng sản xuất**, là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là mặt tự nhiên của phương thức sản xuất. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động. Tư liệu sản xuất bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo tiến trình phát triển của sản xuất vật chất.

**Quan hệ sản xuất**, là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, là mặt xã hội của phương thức sản xuất. Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất, quan hệ của họ trong quá trình tổ chức, quản lý và phân công lao động; quan hệ của họ trong phân phối sản phẩm lao động. Ba mặt đó có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất là mặt quyết định các mối quan hệ khác.

#### **+ Vai trò của phương thức sản xuất vật chất**

**Một là**, phương thức sản xuất quyết định tính chất của xã hội. Xã hội là do những con người với các hoạt động của mình tạo ra nhưng con người không thể tùy ý lựa chọn các chế độ xã hội cho mình. Những vĩ nhân hay nhà nước, những tư tưởng, học thuyết khoa học không thể áp đặt được chế độ xã hội. Sự ra đời của một chế độ trong lịch sử do yếu tố hoàn toàn khách quan là phương thức sản xuất quyết định. Phương thức sản xuất phong kiến quyết định tính chất của xã hội phong kiến. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa quyết định tính chất của chế độ xã hội TBCN...

**Hai là**, phương thức sản xuất quyết định tổ chức kết cấu của xã hội. Tổ chức kết cấu của xã hội bao gồm các tổ chức kinh tế, quan điểm tư tưởng, giai cấp, đảng phái, nhà nước, thiết chế xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Tổ chức kết cấu ấy không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người mà do phương thức sản xuất quyết định. Mỗi phương thức sản xuất khác nhau sinh ra một kiểu tổ chức kết cấu xã hội khác nhau.

**Ba là**, phương thức sản xuất quyết định sự chuyển hóa của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát

triển của sản xuất, thực chất là sự phát triển của các phương thức sản xuất. Khi phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới ra đời thì chế độ xã hội cũ sẽ mất theo và chế độ xã hội mới sẽ ra đời. Loài người đã trải qua năm phương thức sản xuất, tương ứng với nó là năm chế độ xã hội là chế độ cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ TBCN và cuối cùng là chế độ cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là CNXH)

**Lý luận trên cho ta ý nghĩa:** khi nghiên cứu mọi hiện tượng xã hội phải đi tìm nguồn gốc phát sinh từ phương thức sản xuất, từ tất yếu kinh tế. Nhận thức đúng vai trò của phương thức sản xuất trong thời kì đổi mới, Đảng ta đã chủ trương phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

**b. Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội.**

- **Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.**

+ **Trình độ của lực lượng sản xuất**, là trình độ phát triển khoa học và công nghệ, công cụ lao động, phân công lao động và người lao động.

Ngoài yếu tố con người là quyết định nhất thì trình độ của công cụ lao động, trình độ chuyên môn hóa sản xuất là tiêu chí đánh giá sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ví dụ: Có trình độ lực lượng sản xuất thủ công, lực lượng sản xuất cơ khí và tự động hóa...

+ **Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX**

Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất là nội dung vật chất, quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của phương thức sản xuất. Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ nội dung và hình thức của quá trình sản xuất.

**1) Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất**

- *Lực lượng sản xuất như thế nào về tính chất và trình độ thì qua hệ sản xuất phải phù hợp như thế ấy.* Trình độ của lực lượng sản xuất là thủ công, công cụ thô sơ, thì phù hợp với nó là quan hệ sản xuất cá thể.



- Khi lực lượng sản xuất thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Do con người luôn tích lũy sáng kiến và kinh nghiệm, luôn cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất nên lực lượng sản xuất luôn phát triển. Lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nó sẽ cản trở lực lượng sản xuất.

- Khi lực lượng sản xuất cũ mất đi, lực lượng sản xuất mới ra đời thì quan hệ sản xuất cũ cũng mất đi, quan hệ sản xuất mới được xây dựng. Lực lượng sản xuất vận động, phát triển đến một trình độ nhất định sẽ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất. Mâu thuẫn này phát triển gay gắt đòi hỏi phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

### **1) Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất**

- Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất không phù hợp thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất.

- Quan hệ sản xuất là phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất khi nó tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho các yếu tố của lực lượng sản xuất (người lao động, công cụ, đối tượng lao động) kết hợp với nhau một cách hài hòa để sản xuất phát triển và đưa lại năng suất lao động cao.

- Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà phải là quá trình. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác cao hơn.

**Ý nghĩa của lí luận này**, là ở đâu có đối tượng lao động thì ở đó cần có người lao động và công cụ lao động phải tương ứng với trình độ, kĩ năng của người lao động.

**+ Vận dụng quy luật này trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương:**

- Phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Một trong tám đặc trưng của CNXH ở nước ta là “*có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*”<sup>4</sup>.

• **Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng**

+ **Khái niệm về cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng**

- **Cơ sở hạ tầng**, là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế-xã hội nhất định, bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất còn lại của hình thái kinh tế-xã hội trước và quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế-xã hội tương lai. Trong ba loại quan hệ sản xuất đó thì quan hệ sản xuất thống trị là chủ đạo và chi phối các quan hệ sản xuất khác và là đặc trưng của cơ sở hạ tầng đó. Cơ sở hạ tầng có tính giai cấp.

- **Kiến trúc thượng tầng**, là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng..., được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng cùng nảy sinh từ cơ sở hạ tầng có đặc trưng, quy luật vận động và mối liên hệ riêng với cơ sở hạ tầng và giữa chúng có sự liên hệ tác động lẫn nhau. Trong các bộ phận của kiến trúc thượng tầng thì nhà nước là bộ phận có quyền lực mạnh nhất, nhờ nó mà giai cấp thống trị có thể áp đặt tư tưởng thống trị của giai cấp mình cho toàn xã hội. Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì kiến trúc thượng tầng cũng có tính chất đối kháng.

+ **Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và KTTT**

**Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng thể hiện:**

- Cơ sở hạ tầng như thế nào thì kiến trúc thượng tầng xây dựng trên đó phải như thế ấy. Quan hệ sản xuất nào thống trị thì sẽ tạo ra một kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng với quan hệ sản xuất đó; giai cấp nào thống trị về kinh tế thì

giai cấp đó thống trị về tư tưởng; mâu thuẫn kinh tế quyết định mâu thuẫn tư tưởng.

- *Khi cơ sở hạ tầng biến đổi đòi hỏi kiến trúc thượng tầng cũng biến đổi theo.* Những biến đổi cơ sở hạ tầng sớm muộn cũng dẫn tới sự biến đổi kiến trúc thượng tầng. Khi cơ sở hạ tầng ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thì nhà nước dân chủ tư sản chuyển thành nhà nước độc quyền; các quan điểm chính trị, triết học, đạo đức, nghệ thuật... có xu hướng phục vụ chủ nghĩa đế quốc.

- *Khi cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới ra đời thì sớm muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi và kiến trúc thượng tầng mới ra đời.* Kiến trúc thượng tầng là lĩnh vực ý thức xã hội nó có tính chất độc lập tương đối. Khi cơ sở hạ tầng nào đó mất đi, nhưng các bộ phận của kiến trúc thượng tầng mất đi không đều, có bộ phận vẫn tồn tại, thậm chí nó còn được sử dụng.

### ***Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng***

- Bất kỳ trong tình huống nào kiến trúc thượng tầng cũng ra sức bảo vệ CSHT đã sinh ra nó, kể cả CSHT tiến bộ hay CSHT đã phản tiến bộ, cản trở sự phát triển của LLSX

**Chú ý:** một kiến trúc thượng tầng được xem là tiến bộ khi nó bảo vệ cho một CSHT tiến bộ và ngược lại.

- Nếu là kiến trúc thượng tầng “**tiên tiến**” thì nó sẽ tác động cùng chiều với sự vận động của những quy luật kinh tế khách quan, thúc đẩy CSHT phát triển. Ngược lại kiến trúc thượng “**tầng bảo thủ lạc hậu**” nó sẽ tác động ngược chiều với sự vận động của những quy luật kinh tế khách quan, kìm hãm sự phát triển của CSHT

- Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại CSHT theo những hình thức và hiệu lực khác nhau, trong đó nhà nước là bộ phận có vai trò quan trọng nhất và có hiệu lực mạnh mẽ nhất.

### **• Vận dụng sáng tạo quy luật này**

+ Đảng ta chủ trương, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là xây dựng cơ sở hạ tầng với nhiều kiểu quan hệ sản xuất vừa cạnh tranh, vừa hợp tác cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đảng lãnh đạo phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững mạnh, tạo tiền đề “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”<sup>5</sup>.

## **B. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

Một trong nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin là chỉ rõ các quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển và tất yếu diệt vong của xã hội tư bản chủ nghĩa trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, trên cơ sở đó chỉ ra tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để làm rõ điều đó, kinh tế chính trị học Mác - Lênin bắt đầu từ việc xây dựng học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư.

### **1. Học thuyết giá trị**

#### **a. Nội dung cơ bản của học thuyết**

Học thuyết giá trị là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C. Mác. Bằng việc phân tích hàng hoá, C. Mác vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hoá, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hoá.

#### **• Hàng hoá**

+ **Khái niệm hàng hóa:** là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn một nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.

#### **+ Hai thuộc tính của hàng hóa**

- **Giá trị sử dụng của hàng hoá, là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.** Giá trị sử dụng đó do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hoá quyết định. **Trong kinh tế hàng hoá, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi.**

#### **- Giá trị của hàng hóa**

*Giá trị trao đổi* trước hết biểu hiện như là một quan hệ số lượng, là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác.

*Giá trị của hàng hoá là lượng lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá, còn giá trị trao đổi chỉ là hình thái biểu hiện của giá trị hàng hoá.*

Sở dĩ giá trị của hàng hoá được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, vì một loại hàng hoá đưa ra thị trường là do nhiều người sản xuất ra nhưng mỗi người sản xuất do điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề là không giống nhau, nên thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hoá của họ khác nhau, do đó lượng giá trị cá biệt của hàng hoá mà từng người sản xuất ra là khác nhau. Để trao đổi hàng hoá đó với nhau, không thể căn cứ vào giá trị cá biệt của hàng hoá mà phải căn cứ vào giá trị xã hội của nó, vào lượng lao động xã hội cần thiết hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó.

- ***Thời gian lao động xã hội cần thiết***

*Là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.*

- ***Quy luật giá trị***

+ Quy luật giá trị, là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ở đâu có sản xuất hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.

+ Nguyên tắc của quy luật

Trao đổi hàng hoá phải theo nguyên tắc ngang giá, dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết. Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại.

Tuy nhiên trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng... Tuy nhiên nó hoàn toàn nằm trong cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

- b. Ý nghĩa của học thuyết***

Nghiên cứu học thuyết giá trị giúp chúng ta:

+ Hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá;

+ Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của việc lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá;

+ Nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

## **2. Học thuyết giá trị thặng dư**

### ***a. Nội dung cơ bản của học thuyết***

#### **• Hành hóa sức lao động**

+ *Khái niệm hàng hóa sức lao động*

Trong thế giới hàng hoá, xuất hiện loại hàng hoá đặc biệt, hàng hoá sức lao động. Khi sức lao động trở thành hàng hoá thì tiền tệ mang hình thái là tư bản trong mối quan hệ giữa nhà tư bản và lao động làm thuê và xuất hiện sự chiếm đoạt giá trị thặng dư. Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, cũng không phải là giá trị đơn thuần mà là giá trị thặng dư.

+ *Thuộc tính hàng hóa sức lao động*

- ***Giá trị hàng hoá sức lao động*** là toàn bộ những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khoẻ của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo tùy theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế, tức con cái của công nhân. Tiền công hay tiền lương là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hoặc là giá cả của sức lao động.

- ***Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động*** thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

+ Biểu hiện giá trị, giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động trong xã hội tư bản:

- **Giá trị của hàng hoá sức lao động** biểu hiện bằng tiền công, tiền lương của người công nhân làm thuê do người chủ tư bản trả.

- **Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động** biểu hiện người công nhân chỉ cần dùng một phần ngày lao động để sản xuất ra một khối lượng hàng hoá ngang bằng với chi phí nuôi bản thân và nuôi gia đình mình (tiền công), phần còn lại thì làm không công, tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản, đó là nguồn gốc lợi nhuận, nguồn gốc giàu có của chủ tư bản. Đó cũng là nội dung căn bản nhất của học thuyết giá trị thặng dư .

• **Quá trình sản xuất Tư bản chủ nghĩa**

+ **Khai niệm quá trình sản xuất TBCN**

Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá lao động tạo ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Nhà tư bản dùng tiền mua tư liệu sản xuất, sức lao động và tiến hành sản xuất. **Mục đích của các nhà tư bản**, là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa.

+ **Hai phương pháp sản xuất Tư bản chủ nghĩa**

- **Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối**, do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi. Ví dụ các nhà tư bản thường sử dụng các biện pháp như kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, giảm tiền công...

- **Sản xuất giá trị thặng dư tương đối**, do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ. Biện pháp mà các nhà tư bản thường dùng là áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động xã hội để thu nhiều giá trị thặng dư.

+ Sản xuất ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nội dung của nó là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa bằng cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

### ***b. Ý nghĩa của học thuyết***

Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản. Nó cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

## **C. LÝ LUẬN VỀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

### **1. Vấn đề giai cấp công nhân**

#### ***a. Định nghĩa giai cấp công nhân***

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng một số thuật ngữ khác nhau về giai cấp công nhân như giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp thế kỷ XIX... Các ông coi giai cấp công nhân là giai cấp của những người lao động không phải chủ sở hữu của phương tiện sản xuất mà phải bán sức lao động, tạo ra giá trị thặng dư để có tiền lương cho mình và làm giàu cho xã hội. ***Họ là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, hiện đại.***



V.I.Lênin bổ sung, giai cấp công nhân sau cách mạng vô sản, giành được chính quyền đã trở thành người chủ, lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### ***b. Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân***

+ *Thứ nhất, về phương thức lao động*

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

+ *Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa*

Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống.

## **2. Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

*a. Về địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa*

V.I.Lênin khẳng định: “*Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa*”.

Nguyện vọng và lợi ích căn bản của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

*b. Về đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân*

Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị- xã hội mà các giai cấp khác không thể có được.

+ *Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất hiện đại nhất, gắn với khoa học và công nghệ tiên tiến - xu hướng của xã hội tương lai.*

+ *Thứ hai, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Trong xã hội tư bản, họ luôn đi đầu đấu tranh vì không có gì để mất, nếu được thì được tất cả. Trong sản xuất, công nhân luôn đổi mới, cải cách điều kiện làm việc, nâng cao*

năng suất lao động. Mục đích của họ không chỉ là giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội.

+ *Thứ ba*, giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao vì họ lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền với yêu cầu nghiêm ngặt về kỷ luật lao động và thói quen của lối sống đô thị tập trung, tuân thủ pháp luật nhà nước...

+ *Thứ tư*, giai cấp công nhân có tinh thần quốc tế vô sản vì sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa có tính chất quốc tế; lao động của họ có tính chất quốc tế. Chủ nghĩa tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn chiến thắng nó, cần phải có sự đoàn kết quốc tế.

### **3. Tiến trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa**

#### ***a. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội***

Chủ nghĩa chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao. Giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa. Trước khi đến từng giai đoạn đó là thời kỳ quá độ biến đổi từ xã hội trước sang xã hội sau.

- Khái niệm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

***Thời kỳ quá độ:*** Là thời kỳ chuyển tiếp từ trạng thái này sang trạng thái kia trong quá trình phát triển của sự vật.

#### ***Thời kỳ quá độ lên CNXH***

*Là thời kỳ lịch sử đặc biệt bắt đầu từ khi giai cấp vô sản giành được chính quyền và kết thúc khi xây dựng xong cơ bản những đặc trưng của CNXH*

- *Tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*

+ Để chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội chủ nghĩa cần có thời kỳ nhất định do các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự nảy sinh và phát triển trong lòng xã hội tư bản mà là kết quả của quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

+ Chủ nghĩa xã hội dựa trên lực lượng sản xuất phát triển cao, có năng suất hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy cần phải có thời gian để cải tạo nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa phát triển thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; để cho các quan hệ mới trở thành các quan hệ cơ bản, đặc trưng của xã hội mới.

- ***Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội***

+ *Là tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới.* Cái cũ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội chưa xoá bỏ hết, cái mới được xây dựng chưa đầy đủ, còn non yếu.

+ *Về kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, vừa thống nhất vừa cạnh tranh với nhau.* Về tư tưởng văn hoá, tồn tại tư tưởng của giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ, tư tưởng tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, các yếu tố văn hoá cũ và mới, tồn tại đan xen ảnh hưởng lẫn nhau.

Các yếu tố đó vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau nên cần có thời gian để giai cấp công nhân và nhân dân lao động lãnh đạo xây dựng toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, con người mới từng bước vững chắc.

- ***Nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

+ *Trong lĩnh vực kinh tế:* phát triển lực lượng sản xuất xã hội, tiến hành công nghiệp hoá để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với những bước đi hình thức thích hợp. Đồng thời từng bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cơ sở của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

+ *Trong lĩnh vực chính trị:* xây dựng củng cố nhà nước vô sản, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Đảng cộng sản trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo cách mạng; đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, xâm hại quyền làm chủ của nhân dân; tiến hành đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

+ *Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:* xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hoá nhân

loại; khắc phục những tư tưởng và tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ *Trong lĩnh vực xã hội*: khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

#### **4. Về xã hội xã hội chủ nghĩa**

Đây là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, là xã hội có những đặc trưng cơ bản:

Cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản.

Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện.

Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng. Là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

#### **5. Về xã hội cộng sản chủ nghĩa**

Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo về xã hội cộng sản chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là: Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của con người được giảm nhẹ, “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện.

Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

### **III. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin**

#### **1. Vai trò của chủ nghĩa Mác- Lênin**

Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người.

*a. Triết học Mác - Lênin* là cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy con người. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật thống nhất chặt chẽ với nhau làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên triệt để và phép biện chứng trở thành lý luận khoa học. Nhờ đó, triết học Mác - Lênin có khả năng nhận thức đúng đắn giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội và tư duy con người.

Triết học Mác - Lênin không chỉ là lý luận về phương pháp giải thích thế giới mà còn là lý luận về phương pháp biến đổi và cải tạo thế giới. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận, là vũ khí lý luận sắc bén giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng thành công xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

*b. Kinh tế chính trị Mác - Lênin* đóng vai trò là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, giải thích các hiện tượng các quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn, phân tích nguyên nhân dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

*c. Chủ nghĩa xã hội khoa học* đóng vai trò phát hiện và luận giải về quá trình tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người. Theo Lênin chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện tập trung nhất hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, trang bị, rèn luyện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động bản

lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng và lập trường cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh có hiệu quả các lực lượng, các hệ tư tưởng thù địch của các thế lực phản động chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **2. Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta**

*Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả kế thừa tinh hoa trí tuệ của nhân loại*

*Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả của sự tổng kết lịch sử, thực tiễn phát triển của xã hội*

*Chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ thống lý luận hoàn chỉnh, chặt chẽ*

*Chủ nghĩa Mác - Lênin - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan và phương pháp luận*

*Chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết mở không ngừng đổi mới, phát triển*

Trước tình hình thế giới có nhiều biến động sâu sắc. Bảo vệ, đổi mới và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin là yêu cầu khách quan, bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của học thuyết. Đảng cộng sản Việt Nam với tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng sáng tạo, bổ sung và làm phong phú lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước.

## **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật biện chứng?
2. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật lịch sử?
3. Trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị của chủ nghĩa Mác?
4. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác?
5. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin?
6. Phân tích đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

7. Trình bày tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên hệ làm rõ những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

8. Mỗi học sinh- sinh viên cần làm gì và như thế nào để nhận thức đúng về chủ nghĩa Mác - Lênin?

## Bài 2

### KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

#### I. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

##### 1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong suốt cuộc đời hoạt động thực tiễn cách mạng, chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra rất nhiều quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, với triết lý hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người mà còn biến nó trở thành hiện thực qua thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh dưới góc độ khoa học, **Đại hội IX của Đảng đã khẳng định:** “*Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*”.

##### 2. Bối cảnh và Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

###### a. Bối cảnh Thực tiễn thế giới và Việt Nam

Vào nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, tăng cường xâm lược thuộc địa, đặt ra khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa là đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa đế quốc và sự tranh chấp thuộc địa giữa chúng là nguyên nhân gây ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), đã khơi sâu, làm gay gắt thêm rất nhiều mâu thuẫn giữa các nước tư bản với tư bản, giữa tư bản với nhân dân thuộc địa, giữa giai cấp tư sản với vô sản, điều đó làm cho chủ nghĩa tư bản thế giới suy yếu, tạo điều kiện cho Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) giành được thắng lợi, mở ra thời đại mới của lịch sử loài người, thời kỳ đấu tranh chống đế quốc, giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, trong đó có Việt Nam.



Giữa thế kỷ XIX (1858), Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ở Việt Nam ngày càng sâu sắc, phong trào yêu nước theo nhiều khuynh hướng khác nhau liên tiếp diễn ra nhưng tất cả đều thất bại. Cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp, tổ chức lãnh đạo cách mạng.

Từ những bối cảnh quốc tế và Việt Nam nêu trên, Hồ Chí Minh ra quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước và từng bước hình thành tư tưởng của mình, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của dân tộc và thời đại.

### ***b. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh***

#### **• Chủ nghĩa Mác – Lênin**

Chủ nghĩa Mác – Lênin chính là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận là nguồn gốc quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác – Lênin với mục tiêu có giá trị nhân văn: giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Không những vậy, chủ nghĩa Mác – Lênin còn vạch ra con đường, lực lượng và phương pháp để đạt được mục tiêu, từ đó mang lại cho con người cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Đây là khát vọng rất tự nhiên của con người.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết, vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện đặc thù của nước ta, giải quyết thành công những vấn đề cơ bản, cấp bách của cách mạng Việt Nam, khẳng định con đường cứu nước duy nhất là cách mạng vô sản. Người cũng chỉ rõ vai trò của Chủ nghĩa Mác – Lênin: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất, chắc chắn nhất là chủ nghĩa Lênin, có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là “chủ nghĩa Mác – Lênin” của Việt Nam.

#### **• Giá trị truyền thống dân tộc**

+ **Truyền thống:** là những thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ và được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. **Biểu hiện hệ giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam:**

**Một là**, chủ nghĩa yêu nước, ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước;

**Hai là**, tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái;

**Ba là**, dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống lạc quan yêu đời;

**Bốn là**, dân tộc VN là một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và anh dũng trong đấu tranh.

+ **Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân sự kết tinh những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc:** Chủ nghĩa yêu nước và ý chí kiên cường, bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước; tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa; lao động cần cù, sáng tạo; tinh thần lạc quan, yêu đời. Đây là những tài sản tinh thần to lớn, là động lực xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người: *“Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”*<sup>6</sup>.

Nghệ An - quê hương của Hồ Chí Minh tiêu biểu cho những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam: cần cù, chịu thương chịu khó, lối sống tiết kiệm, ý chí quyết tâm cao, nơi sản sinh cho đất nước nhiều anh hùng, hào kiệt.

Gia đình nhà Nho đã giúp Người tích lũy được nhiều tri thức, hiểu biết, mười tuổi mồ côi mẹ, Nguyễn Tất Thành sớm tự lập, có sự cảm thông sâu sắc với nỗi khổ nhục của người dân nghèo khó, mất nước.

Truyền thống dân tộc, quê hương, gia đình đã hun đúc ở Hồ Chí Minh khí phách, hoài bão và tư tưởng lớn trong quá trình tìm đường cứu dân, cứu nước.

#### • **Tinh hoa văn hóa nhân loại**

Tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa những giá trị tích cực, tiếp thu có chọn lọc, phê phán các quan điểm của cả văn hóa phương đông và văn hóa phương tây, cụ thể:

Hồ Chí Minh kế thừa những mặt tích cực của Nho giáo như: Triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; tư tưởng xây dựng một thế giới đại đồng, xã hội bình trị; triết lý nhân sinh: tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa trung

---

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin” (1960), *Tuyển tập 2*, Sự thật, Hà nội, 1980.

hiếu. Về Phật giáo, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng hướng thiện: từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, yêu thương con người. Về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn với tư tưởng: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta.

Hồ Chí Minh tiếp thu văn hóa dân chủ tư sản, đó là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của Pháp, tư tưởng dân chủ của cách mạng Mỹ về quyền con người: quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc. Về Kito giáo, Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng nhân ái, yêu thương con người, hết lòng vì nhân dân.

Người đã tìm thấy điểm chung của cả phương đông và phương tây là xét đến cùng đều muốn: “Mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội”.

### • ***Phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh***

Nhân cách, phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh đã tác động sâu sắc, mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người, Hồ Chí Minh có nhân cách nổi trội trên những yếu tố:

- *Trước hết là năng lực tư duy năng động, nhạy bén, độc lập, tự chủ nên nhanh chóng nắm bắt xu thế vận động của sự vật, hiện tượng qua quan sát trực tiếp xã hội.* Nhờ đó người nhanh chóng nhận thức được con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

- *Kiên trì, bất khuất, có ý trí mãnh liệt và nghị lực phi thường trong thực hiện mục đích đã chọn.* Báo Quốc gia của Ấn Độ đã viết: “*Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi*”, Người không quản ngại vất vả, nguy hiểm, khó khăn; không sợ kẻ thù đe dọa, đấu tranh tới cùng để giành độc lập dân tộc.

- *Thương yêu, quý trọng con người: Lòng yêu nước của Người gắn với yêu nhân dân lao động, quý trọng con người.* Bác đối xử với người luôn có lý, có tình, tình yêu thương của Người luôn có chỗ cho tất cả mọi người, từ nhân dân nước mình cho tới cả nhân dân thế giới; đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng con người.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự hội tụ tất cả những giá trị tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, tinh hoa nhân loại, ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin cùng với nhân cách đặc biệt của người chiến sĩ cách mạng; như một nhà báo nước ngoài nhận xét: *“Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: Đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, Triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và là tình cảm của người chủ gia tộc - Tất cả đều hòa hợp trong một dáng dấp tự nhiên”*.

### **3. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh**

#### ***a. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước (Trước năm 1911)***

Hồ Chí Minh chuẩn bị hành trang để đi tìm đường cứu nước: Tiếp thu văn hoá dân tộc, văn hoá phương Đông, nhất là Nho giáo; giáo dục ở trường; tiếp xúc với các tư tưởng tiến bộ của văn hoá Pháp; tham gia các phong trào cách mạng, v.v. Từ đó, Người quyết định tìm đường cứu nước sang phương Tây.

#### ***b. Thời kỳ tìm được con đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (1911-1920)***

Hồ Chí Minh khảo sát thực tiễn ở nhiều nước tư bản châu Âu, châu Mỹ; tiếp xúc với nhiều tư tưởng tiến bộ và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, người theo chủ nghĩa Quốc tế vô sản.

#### ***c. Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921-1930)***

Đây là thời kỳ hoạt động sôi động, đầy hiệu quả của Hồ Chí Minh, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, khắc phục sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Người chuẩn bị tư tưởng, tổ chức sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến năm 1930, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam được hình thành về cơ bản: Xác định rõ con đường cách mạng; lực lượng cách mạng, bao gồm cả lực lượng lãnh đạo và lực lượng thực hiện; đối tượng cách mạng; phương pháp cách mạng; quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới...

***d. Thời kỳ thử thách, khó khăn, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng (1930-1945)***

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh gặp nhiều khó khăn, không được đánh giá đúng, có khi hiểu sai, nhưng Người vẫn kiên trì quan điểm về con đường cứu nước đã chọn.

Hồ Chí Minh chuẩn bị mọi mặt để thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

***e. Thời kỳ phát triển và hoàn thiện tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1945-1969)***

Thời kỳ này tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng của dân tộc Việt Nam: Tư tưởng kháng chiến gắn với kiến quốc; xây dựng Nhà nước; xây dựng Đảng cầm quyền; đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng, xây dựng và phát triển kinh tế; thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác với các nước...

Trước khi qua đời, Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử, khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoạch định cả một chương trình cải tạo, xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh.

## **II. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh**

### **1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**

#### **a. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với CNXH**

- Về độc lập dân tộc**

*Thứ nhất*, độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc.

Năm 1930, Người xác định mục tiêu của Đảng là: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”<sup>1</sup>. Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5.1941) và chỉ rõ: “Trong lúc này *quyền*

lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”<sup>2</sup>. Đến khi thời cơ khởi nghĩa (8-1945) đã đến, Người nói “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường sơn này cũng phải giành cho được độc lập”. Ngày 2-9-1945, Người khẳng định “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”<sup>3</sup>; “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>4</sup>. Những tư tưởng đó đã tạo nên chân lý có giá trị lớn nhất cho mọi thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”.

*Thứ hai là, độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, với bình đẳng dân tộc.*

Ở Việt Nam, độc lập dân tộc gắn liền với sự toàn vẹn quốc gia, Bắc, Trung, Nam liền một dải, không thể chia cắt.

Trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, Người đã trích dẫn lại *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ 1776: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng”<sup>5</sup>. “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>6</sup> và Người gọi đó là lẽ phải không ai chối cãi được.

*Thứ ba, theo Hồ Chí Minh nền độc lập dân tộc phải trong hoà bình, tự do.*

Ngày 15 tháng 2 năm 1967, Người trả lời Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đã nêu rõ: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất thiết tha với độc lập, tự do và hoà bình”. Nhưng thiết tha độc lập tự do trong hoà bình, khát vọng chính đáng đó của Hồ Chí Minh và của nhân dân Việt Nam không được đáp lại. Người nói cho dù chiến tranh kéo dài 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa, nhân dân Việt Nam quyết giành cho được độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

*Thứ tư là, độc lập phải đảm bảo cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.*

Hồ Chí Minh viết: Chúng ta đấu tranh giành được độc lập rồi mà dân vẫn đói vẫn rét thì độc lập chẳng có ý nghĩa gì, dân chỉ biết giá trị của độc lập khi được ăn no mặc ấm. Vì vậy, đấu tranh cho dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành là hoài bão, là lý tưởng, là ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh.

- **Về chủ nghĩa xã hội**

Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội có quá trình phát triển lâu dài, những nội dung cụ thể xác định chủ yếu như sau: Chủ nghĩa xã hội là một phong trào lịch sử mang tính chính trị - xã hội; chủ nghĩa xã hội như là một lý tưởng tốt đẹp mà loài người sẽ đạt tới; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân; là một trong hai giai đoạn và là giai đoạn đầu của hình thái cộng sản chủ nghĩa; là một chế độ xã hội đối lập hoàn toàn với chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một số định nghĩa về chủ nghĩa xã hội như sau:

**Thứ nhất**, xem chủ nghĩa xã hội như là một chế độ hoàn chỉnh: Làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, mọi người đều có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Mục tiêu là giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

**Thứ hai**, chủ nghĩa xã hội được xem xét từ một mặt nào đó như kinh tế, chính trị, văn hoá.... Nhiệm vụ quan trọng nhất là phát triển sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta; “lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em...”.

**Thứ ba**, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: không có người bóc lột người, ai cũng phải lao động, có quyền lao động; thực hiện công bằng, bình đẳng... “là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng tự do”, “là đoàn kết, vui khoẻ”...

**Thứ tư**, xác định động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải gắn với phát triển khoa học - kỹ thuật “nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân”, do quần chúng nhân dân tự xây dựng nên dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**Tóm lại**, Hồ Chí Minh nhấn mạnh chủ nghĩa xã hội trên các phương diện là một chế độ chính trị do nhân dân lao động là chủ và làm chủ; là một chế độ có

nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật; không ợn chế độ người bóc lột người; phát triển cao về văn hoá và đạo đức; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước.

- **Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

- Một là, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, là tiền đề đi tới chủ nghĩa xã hội. Khát vọng độc lập đã hun đúc thành chủ nghĩa dân tộc chân chính, to lớn của dân tộc Việt Nam mà Hồ Chí Minh xem đó là động lực lớn của đất nước. Sức mạnh của yếu tố dân tộc, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ là sức mạnh tự có mà còn phụ thuộc một cách quyết định vào việc kết hợp với chủ nghĩa xã hội.

- Hai là, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu hướng tới, cơ sở đảm bảo vững chắc độc lập dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, sau khi giành được độc lập, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mới ngày càng ấm no, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo cho độc lập dân tộc được vững chắc, được thực thi trên thực tế. Đó là một nền độc lập thật sự, lâu dài. Nếu độc lập dân tộc mà dân vẫn đói vẫn rét thì độc lập chẳng có ý nghĩa gì.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh và xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam.

- b. Tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**

Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận nhằm lấy nhỏ thắng lớn trong chống đế quốc xâm lược, từ nghèo nàn lạc hậu đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua sự phát triển của tư bản chủ nghĩa.

**Nội dung tư tưởng đó được người nêu rõ:**

**Thứ nhất**, cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới, ai làm cách mạng thế giới đều là đồng chí của Việt Nam cả, điều đó phân biệt được bạn gần, bạn xa và kẻ thù trên thế giới.



**Thứ hai**, phải gắn kết chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong thời đại hiện nay để từ đó mới giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp một cách triệt để, Hồ Chí Minh phê phán chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa dân tộc nước lớn, đề cao và giữ vững chủ nghĩa quốc tế vô sản, bảo vệ khối đoàn kết của cách mạng thế giới.

**Thứ ba**, phải giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, nhưng không quên thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, Người nêu rõ, muốn người ta giúp cho trước hết phải tự giúp mình, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà ngòai chờ các dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập. Mặt khác Người không coi nhẹ sự giúp đỡ chí tình của anh em và bạn bè quốc tế. Mỗi bước tiến của cách mạng Việt Nam đều bao hàm cả thực hiện nghĩa vụ quốc tế, giúp đỡ bạn bè cũng chính là tự giúp mình.

**Thứ tư**, phải mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ; thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội. Có thể nói đây là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, là một vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết điều đó về lý luận mà còn tổ chức thực tiễn đạt kết quả cao.

## **2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân**

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng hòa, một nhà nước đại biểu quyền lợi "cho số đông người", thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập nhà nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: nước ta là nước dân chủ, tất cả quyền hạn đều của dân. Dân chủ theo Hồ

Chí Minh được hiểu là: dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân, trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân là người nắm giữ mọi quyền lực, được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, còn các cơ quan nhà nước do nhân dân tổ chức ra, nhân viên nhà nước là người được ủy quyền, thực hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân, trở thành công bộc của nhân dân. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng, nhà nước không còn là công cụ thống trị, nô dịch dân như trong thời phong kiến, tư bản nữa, điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân.

**a. Về mặt khái niệm nhà nước của dân, do dân và vì dân**

+ *Nhà nước của dân*: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước của dân được thể hiện rõ trong hai bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết.

+ *Nhà nước do dân*: là nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định, việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”, quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

+ *Nhà nước vì dân*: là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Trên tinh thần đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; “việc gì lợi cho dân ta phải

*hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”<sup>7</sup>*. Dân là gốc của nước, Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành, cả cuộc đời Người chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân.

**b. Quan niệm Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân:**

+ *Nhà nước của dân, do dân và vì dân nhưng lại gắn liền với bản chất của giai cấp công nhân. Nhà nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một*

+ *Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân thì nhà nước đó phải hợp hiến, hợp pháp, thông qua tổng tuyển cử lập: quốc hội; chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước, một bộ máy Nhà nước có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.*

+ *Nhà nước đó phải được quản lý bằng pháp luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Bên cạnh đó còn cần chú trọng đưa thần linh pháp quyền vào trong cuộc sống, điều này đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật.*

+ Phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả. Cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, đây được coi như “giặc nội xâm” cực kỳ nguy hiểm.

### **3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân**

Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt, xuất phát từ truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc; từ thực tiễn của phong trào cách mạng Việt Nam; từ nguyên lý Chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử, Người cho rằng đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là sức mạnh vô địch và vô tận làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Người nói rất nhiều đến đoàn kết, không thể đếm hết có bao nhiêu lần người nói đến đoàn kết, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người bao gồm:

**Thứ nhất:** Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Đoàn kết trước hết tạo ra sức mạnh to lớn, khi đã hợp lực lại thì “khó trăm lần dân liệu cũng xong”, dân vừa là lực lượng vật chất, vừa là sức sáng tạo của trí tuệ. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết, được Người nêu thành chân lý, được thử thách và khẳng định trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

**Thứ hai:** Đoàn kết là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và của dân tộc. Trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải quán triệt tư tưởng đại đoàn kết, đó là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên; đại đoàn kết toàn dân tộc còn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng.

**Thứ ba:** Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước; đoàn kết toàn Đảng và đoàn kết quốc tế. Điểm tương đồng về lợi ích là cơ sở của đoàn kết, đó là lợi ích của quốc gia dân tộc gắn chặt với lợi ích của nhân dân; đặt lợi ích của dân tộc cao hơn hết thảy.

**Thứ tư:** Đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là hình thức tổ chức thích hợp nhất để đoàn kết nhân dân; trong đó phải sử dụng phương pháp giáo dục thuyết phục, vận động là chủ yếu; hiệp thương; đấu tranh phê bình trên tinh thần dân chủ là hình thức sinh hoạt của mặt trận. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là hình thức tổ chức đội quân chính trị của quần chúng.

**Thứ năm:** Đảng Cộng Sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, phải đoàn kết toàn đảng để làm nòng cốt đoàn kết trong mặt trận. Đảng lãnh đạo mặt trận là nguyên tắc hàng đầu trong xây dựng mặt trận; cùng với đó phải biết dựa trên khối công nhân liên minh với nông dân và tầng lớp trí thức vững chắc để phát huy sức mạnh toàn dân nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng.

#### **4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân**

Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu cho độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, chính vì vậy Người đề cao việc phải lấy phát triển kinh tế và văn hóa, từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân<sup>8</sup>”.

Đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thực chất là đi lên xây dựng và phát triển về kinh tế, ngay từ sớm Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất sâu sắc về phương diện kinh tế của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta, từ tính tất yếu khách quan cho đến đặc điểm, nội dung và mục tiêu kinh tế của nó.

##### **a. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế**

###### **+ Về nhiệm vụ kinh tế.**

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ quan trọng nhất đó là phải phát triển kinh tế, xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Về cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp: “Công nghiệp và nông

*nghiệp là như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới tiến bộ thuận lợi và nhanh chóng”<sup>9</sup>.*

+ Về hình thức sở hữu và thành phần kinh tế: Nền kinh tế XHCN phải tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Cùng với đó là nhiều thành phần kinh tế

Tư tưởng kinh tế rất đặc trưng Hồ Chí Minh, đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sản xuất đi đôi với tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống.

### ***b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa***

+ ***Khái niệm văn hóa.***

***Hồ Chí Minh nêu lên định nghĩa về văn hóa:*** “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

+ ***Vị trí đặc biệt của văn hóa:*** Văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

+ ***Nhiệm vụ văn hóa:*** xây dựng “một nền văn hóa mới”, văn hóa xã hội chủ nghĩa

+ ***Tính chất, đặc trưng và chức năng chủ yếu của nền văn hóa***

- Văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và phong phú, bao gồm văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ thuật, văn hóa pháp luật, văn hóa lao động, đời sống văn hóa cụ thể, văn hóa lối sống...

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Toàn dân tham gia sáng tạo văn hóa, toàn dân làm nghĩa vụ và đóng góp cho sự phát triển văn hóa, toàn dân tham gia xây dựng và tự quản đời sống văn hóa của mình và toàn dân được quyền hưởng thụ, tiếp nhận, lưu giữ và truyền bá văn hóa tốt đẹp, lành mạnh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã và đang là những định hướng lớn cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta hiện nay

Tư tưởng đấu tranh cách mạng của Hồ Chí Minh xét đến cùng là vì mục tiêu “vì con người, vì nhân dân”, tư tưởng nhân văn này hiện nay đã trở thành mục tiêu của các chiến lược kinh tế - xã hội nước ta. Những câu nói nổi tiếng của Bác Hồ còn âm vang mãi với Đảng ta, với non sông đất nước ta: “*Chúng ta tranh được tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân ăn no, mặc đủ*”<sup>10</sup>.

Chính vì vậy, khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ rằng “*chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc*”<sup>11</sup>. Quan tâm mục tiêu kinh tế “vì con người, vì nhân dân” là thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến yếu tố động nhất, quyết định nhất của lực lượng sản xuất, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

## **5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư**

### **a. Vị trí của đạo đức cách mạng (đạo đức là gốc của người cách mạng)**

Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi đó là cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới lãnh đạo được nhân dân, hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang, công việc thành công hoặc thất bại,

đều do cán bộ tốt hay kém. Quan niệm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hoá mặt đức, coi nhẹ mặt tài, Người cho rằng có tài mà không có đức là người vô dụng nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

***b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng***

+ ***Một là: Trung với nước, hiếu với dân.***

Theo Hồ Chí Minh trong những chuẩn mực chung của nền đạo đức cách mạng đây là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Trung với nước là trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, trước hết; quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng; thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hiếu với dân là bao nhiêu quyền hạn đều ở nơi dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, cán bộ, đảng viên là người công bộc, là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Dân là chủ, Đảng của dân nên dân đói, dân dốt, dân rét, Đảng và Chính phủ đều có lỗi. Muốn hiếu với dân thì phải dựa vào dân, tin ở sức mạnh của nhân dân: “*Để mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong*<sup>12</sup>”. Vì vậy, mỗi cán bộ phải kính dân, gần dân, lấy dân làm gốc và phấn đấu hết lòng vì dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh.

Trung với nước hiếu với dân vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng, phát triển đất nước.

+ ***Hai là: yêu thương con người.***

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người rất toàn diện và độc đáo: Người coi con người là vốn quý nhất, suy cho cùng thì ở đời và làm người càng phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ. Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu



thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người dành tình yêu thương rộng lớn cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột, Người viết: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”*<sup>13</sup>.

Hồ Chí Minh yêu thương đồng bào, đồng chí của Người, không phân biệt họ ở miền xuôi hay miền ngược, là trẻ hay già, trai hay gái... không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người Việt Nam yêu nước thì đều có chỗ trong tấm lòng nhân ái của Người.

Trong Di chúc, Người căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người.

+ **Ba là:** *cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.*

**Cần** tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, phải thấy rõ lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta. Cần phải là: một đức tính, phẩm chất, thói quen. Để có cần: phải rèn luyện thường xuyên; phải chống thói lười nhĩ, lười làm, ỷ lại, dựa dẫm, ham chơi, ham vui.

**Kiệm** tức là tiết kiệm thời gian, tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; cần tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù.

**Liêm** tức là: luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân; không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải trong sạch; không tham lam địa vị, tiền tài, sung sướng; không ham người tâng bốc mình, chỉ có một cái ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

**Chính** là: thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Đối với mình: không tự cao, tự đại; luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ; luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình. Đối với người: không nịnh hót

người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà, không dối trá, lừa lọc. Đối với việc: để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà.

Mỗi người còn phải chí công vô tư đối với người, với việc: Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước; khi hưởng thụ thì mình nên đi sau; phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Cần, Kiệm, Liêm, Chính liên quan chặt chẽ với nhau và gắn với **Chí công vô tư**, thiếu một mặt nào đó thì không thể thành người có đạo đức cách mạng.

+ **Bốn là: tinh thần quốc tế trong sáng.**

Hồ Chí Minh đề cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước; là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

### ***c. Nguyên tắc rèn luyện đạo đức cách mạng***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để định hướng sự lãnh đạo của Đảng và việc rèn luyện của mỗi người.

+ **Một là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.**

Cán bộ đảng viên phải gương mẫu “miệng nói tay làm”, phải nêu tấm gương đạo đức cách mạng trước quần chúng; cán bộ, đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Sống theo phương châm “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Cổ vũ “người tốt, việc tốt”, các điển hình tiêu biểu.

+ **Hai là: Xây đi đôi với chống.**

Xây dựng nền đạo đức cách mạng, giáo dục chuẩn mực đạo đức mới, khơi dậy ý thức tự giác, đạo đức lành mạnh ở mọi người, hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức. Nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân - nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn, thứ giặc “nội xâm” phá từ trong ra, là đồng minh của kẻ thù, khó thấy, khó biết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chế độ. Chống chủ nghĩa cá nhân là chống các bệnh trái phép, cậy thế; bệnh địa phương chủ nghĩa, bè phái, quân phiệt, quan liêu, hách dịch; bệnh nịnh trên coi thường dưới; bệnh hẹp hòi, hình thức; bệnh

làm việc qua loa, vô kỷ luật; bệnh tranh giành địa vị tư lợi, lợi dụng; bệnh lười học, lười nghĩ; bệnh thích người ta tâng bốc mình; bệnh ưa sai khiến người khác; bệnh tham lam; bệnh sinh hoạt xa hoa; bệnh hữu danh vô thực; bệnh “cận thị”; bệnh ba hoa...

+ **Ba là:** *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.*

Người cũng khẳng định đạo đức không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, không phải trên trời sa xuống, mà đạo đức là do con người tiếp thu được qua giáo dục, tự tu dưỡng và bền bỉ rèn luyện trong môi trường sống và trong đấu tranh cách mạng. Rèn luyện đạo đức là một quá trình rất gian khổ, phải xác định tư tưởng, kiên trì, tự giác, tự nguyện, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Muốn rèn luyện đạo đức phải lấy tự mình làm mực thước; phải nêu tấm gương tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau; gắn với việc rèn luyện đạo đức với thực tiễn công tác của mình; phải rèn luyện thường xuyên, liên tục và suốt đời.

Học tập tư tưởng trong đạo đức Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước tiếp tục cổ động phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đẩy lên phong trào “người tốt việc tốt”, nêu gương sáng đạo đức cách mạng để mọi người tôn vinh và noi theo.

## **6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau**

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ, đây là việc làm rất quan trọng và cần thiết.

Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người. Hồ Chí Minh luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với vận mệnh đất nước, thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên: “*Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội*”<sup>14</sup>. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thế hệ đi trước phải quán triệt sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Đồng thời, Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người

đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng

Muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội trước hết cần phải có con người Xã hội chủ nghĩa, tức là xây dựng thế hệ tương lai, chủ thể của đất nước phải là một nhiệm vụ chiến lược, đi trước một bước so với xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mục đích của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ là đào tạo ra những con người mới, những cán bộ mới cho cách mạng, những chiến sỹ cách mạng kiên cường đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ cần phải tập trung vào những nội dung cơ bản:

*Thứ nhất:* Giáo dục, bồi dưỡng toàn diện cho thế hệ trẻ để thành người cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Theo Hồ Chí Minh, chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ phải toàn diện; chú trọng đủ các mặt: lý tưởng, chí khí, đạo đức cách mạng; trình độ học vấn, khoa học, kỹ thuật, quân sự; nếp sống văn hóa, giáo dục thể chất...

Trước hết và quan trọng nhất là giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên mà hạt nhân là giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, có chí khí và bản lĩnh chính trị vững vàng, thì dù khó khăn gian khổ thế nào, họ vẫn nguyện suốt đời phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp của Đảng, đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Cùng với cần giáo dục, bồi dưỡng về trình độ học vấn và năng lực hoạt động thực tiễn. Có tri thức, trình độ học vấn, hiểu biết về khoa học kỹ thuật là cơ sở để thế hệ trẻ nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng, xây dựng xã hội mới.

Hồ Chí Minh coi trọng giáo dục nếp sống văn hóa và giáo dục thể chất cho thanh niên, khi khỏe cả về thể chất và tinh thần thì mới thực hiện được nhiệm vụ cách mạng

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thế hệ trẻ, những nhu cầu, lợi ích chính đáng được thoả mãn là một động lực trực tiếp thúc đẩy họ hoạt động tích cực và hiệu quả.

*Thứ hai:* Phương châm giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng; học phải đi đôi với hành, học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy; giáo dục phải phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội; phải phát huy dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; phát động phong trào thi đua.

Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau phải xuất phát từ yêu cầu cách mạng mỗi giai đoạn, từ thực tiễn xã hội, cần phải tuyên truyền sâu rộng về vai trò, vị trí trách nhiệm của thanh niên, cũng như tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, đạo đức cách mạng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Định hướng cho thế hệ trẻ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu nước và yêu chế độ Xã hội chủ nghĩa trong hành động, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

### **III. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam**

Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Người, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này cho tới thắng lợi khác. Cho tới ngày hôm nay vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào những vấn đề cốt lõi sau:

#### ***1. Kiên định mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh***

Trong bản Di chúc năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết mong muốn của Người là “*Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước*

*Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*”<sup>15</sup>. Đó không chỉ là mong muốn của chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn là ước vọng của hàng triệu người dân Việt Nam. Kế thừa tư tưởng đó của Người, Đại hội X (2006) đã khẳng định, chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng là một xã hội: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đây chính là mục tiêu, đích đến của Việt Nam. Để đạt được điều đó trong bối cảnh phức tạp của quốc tế và trong nước hiện nay đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Người từng đặt ra nhiệm vụ quan trọng sau khi Việt Nam giành được độc lập là phải: “*Xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*”<sup>16</sup>, phát triển kinh tế chính là điều kiện đầu tiên để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Dân giàu được biểu hiện ở việc thu nhập của người dân mỗi ngày một tăng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân mỗi ngày một cao hơn. Kinh tế có phát triển thì đất nước mới mạnh, có sức cạnh tranh trên trường quốc tế, vị thế Việt Nam mới không ngừng nâng cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận về dân chủ trong thời đại mới và đã áp dụng thành công vào xây dựng nền dân chủ mới ở Việt Nam. Dân chủ được Người thực hiện trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và tất cả đều dựa trên một nguyên tắc bất di, bất dịch: quyền hành, lực lượng và lợi ích đều thuộc về nhân dân. “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*”<sup>17</sup>.

Có phát huy dân chủ song hành với phát triển kinh tế mới thực sự xây dựng được một xã hội công bằng, văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phát huy dân chủ tiếp tục là ngọn cờ soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong quá trình đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đạt được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là những mục tiêu lâu dài, không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho

---

<sup>16</sup>Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 10, tr 13

<sup>17</sup>Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000, t 5, tr.698

mục tiêu kia, đã và đang từng bước được hiện thực hóa trong quá trình đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

## ***2. Kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu hội nhập quốc tế là cần thiết song không vì đó mà đánh mất độc lập, tự chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói *“Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”*<sup>18</sup>. Người còn dạy: *“Cái gốc, cái điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta là tự lực cánh sinh”*<sup>19</sup>. Giữ vững độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc bất biến để chúng ta bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia, dân tộc của mình. Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, nhà nước và nhân dân ta luôn luôn kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Bảo đảm độc lập, tự chủ là nguyên tắc nhất quán trong hệ thống quan điểm hội nhập quốc tế của Đảng ta và là đường lối xuyên suốt trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới.

Tình hình thế giới và khu vực đang thay đổi nhanh chóng, phức tạp, ảnh hưởng sâu sắc đến xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của nước ta, cụ thể đó là các vấn đề: khủng hoảng kinh tế; xu hướng hội nhập đa phương hóa, đa dạng hóa; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng, cùng với sự bấp bênh của môi trường kinh tế toàn cầu; môi trường chính trị và an ninh thế giới cũng biến động khó lường, ẩn chứa nhiều rủi ro cho quá trình phát triển; các vấn đề khủng bố, di dân, biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan, thảm họa tự nhiên và dịch bệnh lây lan, ô nhiễm môi trường...

---

<sup>18</sup>Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội, 2000, trang 136.

<sup>19</sup>Bộ Ngoại giao (2008), *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao - Một vài kỷ niệm về Bác*, NXB CTQG, Hà Nội.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định, việc quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đất nước ta trong giai đoạn tới.

*Thứ nhất*, xác định lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất trong việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia gắn liền với các lợi ích cơ bản của quốc gia, dân tộc, như lời dạy của Bác: “*Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm*”<sup>20</sup>.

*Thứ hai*, kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ; giữ vững phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa trong hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

*Thứ ba*, tăng cường năng lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo lập nền tảng để bảo đảm độc lập, tự chủ và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, trọng tâm là năng lực kinh tế, là định hướng cơ bản nhất để hóa giải nguy cơ mất độc lập, tự chủ và tận dụng tốt nhất các cơ hội phát triển mà hội nhập đem lại

Việc quán triệt, xử lý thành công mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế theo quan điểm đối ngoại của Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng giúp đất nước ta đạt được những thành tựu phát triển to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới. Nước ta đã tiến vào một chiều sâu mới trong quá trình hội nhập quốc tế, thực hiện những điều chỉnh căn bản, nâng cao vị thế, quy mô và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; độc lập dân tộc được củng cố, năng lực tự chủ quốc gia được tăng cường.

#### **IV. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay**

##### ***1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.***

Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là nền tảng và động lực để phát triển xã hội. Đạo đức là gốc của mỗi con người. Ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên cũng như của



toàn xã hội đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam nên ngay từ khi thành lập đến nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng, quan tâm đến việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống suy thoái trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội.

Thực tiễn từ khi đổi mới đến nay, do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp. Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của tình trạng này; coi đó là một trong bốn nguy cơ tụt hậu cần quan tâm đấu tranh phòng, chống. Các Đại hội Đảng tiếp theo và nhiều Hội nghị Trung ương Đảng các khóa đều có đánh giá thực trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đồng thời xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng này là nhiệm vụ vừa cơ bản lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một chủ trương lớn, liên tục, lâu dài của Đảng ta. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “...Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội,

địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”.

## **2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

### **a. Phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh**

+ *Suốt đời vì dân, vì nước, quan điểm: “trung với nước, hiếu với dân” là tôn chỉ, nguyên tắc hoạt động xuyên suốt cuộc đời cách mạng của Người.*

Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh là tám gương của một con người cả đời phấn đấu hy sinh, tất cả vì dân, vì nước, vì hạnh phúc con người. Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Nói chuyện với đồng bào trước khi sang thăm Pháp (ngày 30-5-1946), Hồ Chí Minh khẳng định: Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó, bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân.

+ *Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích, được nuôi dưỡng bởi truyền thống đạo đức của dân tộc, ở Hồ Chí Minh đã hình thành một lý tưởng và hoài bão đúng đắn, tạo ra động lực cho Người vượt qua mọi thử thách, chông gai để đưa cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng. Trên các chặng đường cách mạng qua năm châu, bốn biển, Hồ Chí Minh sống một cuộc sống kham khổ, khó khăn, ý chí và nghị lực tinh thần to lớn của Hồ Chí Minh trưởng thành qua thực tiễn cách mạng, kết hợp với một niềm tin, một tinh thần lạc quan từ trong tâm hồn của Người. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh từng bị tù đày nhiều nơi, nhưng vẫn luôn giữ thái độ lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của con người, vào cuộc sống, chính nghĩa, với ý chí, nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn.*

+ *Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân, là một tấm gương mẫu mực phục vụ nhân dân*

Hồ Chí Minh ý thức rõ ràng, cán bộ phải có trách nhiệm với dân, làm cán bộ chứ không phải quan cách mạng, cho nên từ việc nhỏ đến lớn đều phải vì nhân dân; ở bất kỳ cương vị nào cũng phải vì nhân dân mà phục vụ. “*Làm Chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão..., chưa ai lo, mình đã phải lo. Các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo*”<sup>21</sup>. Hồ Chí Minh định nghĩa cái gì có lợi cho nhân dân, cho dân tộc là chân lý, và Người xem phục vụ nhân dân là phục tùng chân lý; làm công bộc cho dân là một việc làm cao thượng. Hồ Chí Minh dặn dò: “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”. Hồ Chí Minh là người thấu hiểu dân tình, chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí để không ngừng thực hành dân chủ cho dân, ngày đêm Người đầu đầu một điều là “giành được độc lập rồi, thì phải làm cho dân được ăn no mặc ấm”, nếu không, nền độc lập đó chẳng có giá trị gì; để dân đói, dân rét thì Đảng và Chính phủ có lỗi với dân.

+ *Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người*

Mohamed Lamari, nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Angiêri tại Việt Nam, từng khẳng định: “Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng do Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới...”. Lòng khoan dung nhân ái của Hồ Chí Minh luôn dành hết mực cho mọi kiếp người, Người cảm thấy rất đau khổ khi nhìn thấy những thanh niên Mỹ chết một cách vô ích ở Việt Nam, hiếm có một lãnh tụ nào trong chiến tranh mà lại thấy được máu nào cũng là máu, người nào cũng là người, đều quý như nhau. Ngay đối với kẻ xâm lược đã gây nên bao đau thương cho dân tộc mình, gây ra bao tội ác đối với nhân dân, nhưng khi bị bắt, Người vẫn căn dặn cán bộ, chiến sĩ ta phải đối xử với họ một

cách khoan hồng, phải làm cho thế giới thấy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh, tiến bộ, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước.

+ *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.*

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm trong ăn, mặc, ở, đi lại... Mọi cái ở Người được sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm đã trở thành nếp sống, sinh hoạt, thành giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh, biểu trưng của lối sống văn minh, hiện đại làm cơ sở cho việc thực hiện tinh thần nhân văn cao cả trong thế giới còn nghèo đói, khó khăn, vật lộn để sinh tồn và phát triển. Giữ mình liêm khiết, trong sạch, Hồ Chí Minh sống trung thực, chân thành với chính mình và với người khác, luôn tôn trọng nhân cách người khác, Người biết nâng con người lên, khuyến khích, động viên để con người thấy rõ giá trị đích thực của cuộc sống, có khát vọng sống.

### ***b. Phong cách Hồ Chí Minh***

Nói phong cách Hồ Chí Minh là nói đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người; thể hiện một nhân cách lớn, siêu việt, trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, nhân văn. Đó là phong cách của một vĩ nhân, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, một nhà văn hóa lớn.

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

+ *Về phong cách tư duy*, bao gồm: phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển, có lý có tình. Hồ Chí Minh luôn biết xuất phát từ cái chung, cái nhân loại, từ những chân lý phổ biến, những “lẽ phải không ai chối cãi được” để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn.

+ *Về phong cách làm việc*, bao gồm: phong cách làm việc khoa học. Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình, “Đảng có hiểu rõ tình hình, thì đặt chính sách mới đúng”; phong cách làm việc có kế hoạch. Người dạy, trong việc đặt kế

hoạch “không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao”, “chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu, nhưng không thực hiện được”; phong cách làm việc đúng giờ, Hồ Chí Minh quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Người thường không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu có thể; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Người nói: Tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta..., muốn tiến bộ phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm.

+ Về *phong cách lãnh đạo*, thể hiện qua việc: tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”. Theo Người, phải biết động viên, khuyến khích khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến, tức là phải làm cho cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật; phải tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát cho tốt. Trong giai đoạn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955-1965) không quản tuổi cao, công việc bề bộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội để thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào và xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Về phong cách nêu gương, Người đòi hỏi, mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

+ Về *phong cách diễn đạt*, được thể hiện qua: cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao. Bác Hồ thường viết ngắn: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, chỉ với 9 chữ mà Bác đã khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước. Nhiều câu Bác đúc kết lại như châm ngôn: “Nước lấy dân làm gốc”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”...; sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gắn với những hình ảnh ví von, so sánh cụ thể. Người dùng hình ảnh “con đũa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, hoặc ví “lý luận như cái tên, thực hành như cái đích” để bản... Phong cách diễn đạt của

Bác luôn luôn biến hoá, nhất quán mà đa dạng, Bác dạy: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”.

+ Về *phong cách ứng xử*, được thể hiện qua việc: khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách... Với phong cách ứng xử đó đã lý giải vì sao, mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui và tiếng cười hồ hởi không dứt.

+ Về *phong cách sinh hoạt*, bao gồm: phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông – Tây, nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên

### ***c. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh***

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây là yêu cầu và biện pháp rất quan trọng để tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là việc làm tất yếu và cần thiết đối với mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng. Việc học tập phải được tiến hành tập trung, thống nhất từ trên xuống, vừa có tính kế hoạch nhưng cũng bảo đảm tính sáng tạo. Những giải pháp đưa ra phải sát với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và phù hợp với thực lực của cán bộ, đảng viên, quần chúng. Để thực hiện tốt việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

*Thứ nhất, tiếp tục phát huy cao độ vai trò của hệ thống tổ chức, cấp ủy và lãnh đạo các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện*

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, đóng vai trò quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực hiện thắng lợi đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh trong cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng. Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, quần chúng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những hoạt động của công tác xây dựng Đảng trong mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, cấp ủy, lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả những hoạt động đó ở cơ quan, đơn vị mình. Tổ chức đảng, trong đó hạt nhân là cấp ủy đảng có vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, quần chúng.

*Thứ hai, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp trong thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

Chất lượng, hiệu quả đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ phụ thuộc vào việc phát huy vai trò của hệ thống tổ chức và cấp ủy, người lãnh đạo các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện mà còn phụ thuộc rất lớn vào các hình thức, phương pháp giáo dục. Đồng thời với phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân, cần đổi mới và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp tổ chức đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là yêu cầu vừa cơ bản, cấp bách, vừa thường xuyên của quá trình đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng.

*Thứ ba, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

Đây là giải pháp mang tính đột phá, là động lực, mắt xích quan trọng trong quá trình gắn kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI với thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc xác định đúng “nút thắt”, giải phóng những vướng mắc, hạn chế trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Chỉ thị 03

- CT/TW) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 - CT/TW.

*Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*

Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến là một giải pháp quan trọng để thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05 - CT/TW. Thực hiện tốt điều đó sẽ tạo động lực thúc đẩy toàn cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên, quần chúng thi đua rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực. Để thực hiện việc nhân rộng điển hình tiên tiến có hiệu quả, cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho các đối tượng ở cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, đồng thời tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí điển hình tiên tiến, làm cơ sở để các tập thể, cá nhân phấn đấu, bình xét, khen thưởng. Việc làm này phải được tiến hành: công khai; dân chủ, các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng phải là những tấm gương thực sự tiêu biểu.

*Thứ năm, đẩy mạnh tính tự giác học tập và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên, quần chúng.*

Để phát huy tính tự giác của cán bộ, đảng viên, quần chúng thì những chuyên đề giáo dục cần có sự đổi mới cả về hình thức và cách tiếp cận, phải đi vào thực chất, khắc phục bệnh hình thức, chung chung. Trong phát huy vai trò tự giác, tự rèn luyện tư tưởng, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên, quần chúng cần hết sức coi trọng việc phát huy tính tự giác, tính tích cực đấu tranh với cái xấu. Mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng luôn tự đấu tranh với chính mình để không bị ảnh hưởng của những mặt xấu tồn tại trong xã hội tác động.

*Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, phát huy vai trò giám sát của tổ chức quần chúng trong thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*



Kiểm tra, giám sát là khâu quan trọng trong toàn bộ quy trình thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực tiễn, kinh nghiệm tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở giai đoạn trước đã cho thấy: cơ quan, đơn vị, địa phương nào phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng tham gia giám sát các mặt hoạt động của cán bộ, đảng viên thì ở đó, vai trò của đội ngũ lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương được tăng cường; những biểu hiện vi phạm kỷ luật của cán bộ, đảng viên được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; niềm tin của quần chúng nhân dân được củng cố; uy tín của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Và ngược lại, ở cơ quan, đơn vị, địa phương nào việc kiểm tra, giám sát làm qua loa, chiếu lệ, thiếu phương pháp, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó tất yếu sẽ yếu kém. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành: thường xuyên, liên tục, không cứng nhắc và nặng nề hành chính hóa để tránh tình trạng đối phó, phô trương, không thực chất. Kiểm tra, giám sát phải trong tất cả các khâu, các bước, các hoạt động công tác, thực hiện kiểm tra để kịp thời phát hiện, uốn nắn những hạn chế, yếu kém, nhất là những yếu kém trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam?
2. Phân tích nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Qua đó rút ra bài học cho bản thân?
3. Phân tích một số nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh? Liên hệ thực tiễn cách mạng hiện nay?
4. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh? Liên hệ bản thân?
5. Trình bày những nội dung về phẩm chất đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Nội dung nào anh (chị) cảm thấy tâm đắc nhất?

6. Anh (chị) hãy cho biết những việc làm cụ thể của bản thân để góp phần thực hiện chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”?

**Bài 3**  
**NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM**  
**DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

**I. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

***1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam***

***1.1. Hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX***

***a. Bối cảnh quốc tế***

+ *Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau do tranh giành thuộc địa, phân chia thị trường và khu vực ảnh hưởng là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914- 1918).*

+ *Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 làm rung chuyển thế giới, thức tỉnh hàng triệu người, mở ra thời đại cách mạng chống đế quốc và giải phóng dân tộc.*

+ *Tháng 3 - 1919, Quốc tế Cộng sản, trung tâm lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới được thành lập, thúc đẩy sự ra đời các đảng cộng sản và dẫn đến cao trào cách mạng thế giới (1919 – 1923).*

Tháng 7 - 1920. V.I. Lênin gửi tới các Đảng cộng sản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc được đọc và tìm thấy ở bản *Luận cương* của Lênin con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam.

***b. Tình hình trong nước***

Chính sách thống trị, khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và sự biến đổi của xã hội nước ta cuối thế kỷ XIX đầu XX

**+ *Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp***

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược VN và đến năm 1884, chúng đã thiết lập được sự thống trị trên toàn cõi VN. Trong thời gian thống trị, thực dân Pháp đã thi hành những chính sách bóc lột và nô dịch phản động về: **kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội:**

1) **Về chính trị:** lũng đoạn triều đình Huế; chia nước ta thành ba kỳ để dễ cai trị; xoá tên VN trên bản đồ thế giới

2) **Về kinh tế:** Vẫn duy trì phương thức sản xuất phong kiến, đồng thời thiết lập hạn chế phương thức sản xuất TBCN.

3) **Về văn hoá - xã hội;** Thi hành chính sách ngu dân, đầu độc và bản cùng hoá 95% dân số mù chữ; Cấm đoán hoạt động văn hoá tiến bộ, hạn chế mở trường học, bệnh viện, khuyến khích cờ bạc, rượu chè...

+ **Sự biến đổi của xã hội nước ta cuối thế kỷ XIX đầu XX**

1) **Về mặt xã hội:** VN từ xã hội phong kiến địa chủ trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

2) **Về mặt kinh tế:** nền kinh tế VN bị kìm hãm nặng nề, tiến chuyển chậm chạp và què quặt.

3) **Về giai cấp:** trước khi Pháp xâm lược VN có hai giai cấp cơ bản là: **nông dân và địa chủ**; sau khi thực dân Pháp xâm lược thì giai cấp VN biến đổi sâu sắc và hình thành những giai cấp mới như giai cấp công nhân, giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản, tầng lớp trí thức...

4) **Về mâu thuẫn:** Trước khi thực dân Pháp xâm lược, nước ta chỉ có một mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ; sau khi thực dân pháp xâm lược xuất hiện thêm một mâu thuẫn nữa: mâu thuẫn giữa dân tộc VN với thực dân Pháp

• **Các phong trào yêu nước của VN cuối thế kỷ XIX đầu XX**

+ **Phong trào đấu tranh theo hệ tư tưởng phong kiến**

1) Phong trào khởi nghĩa Cần vương(1885 – 1897) – do vua Hàm Nghi xuống chiếu

2) Khởi nghĩa Yên Thế(1883 – 1913) – do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, sau cụ mất thì phong trào bị dập tắt(tồn tại 30 năm)

+ **Phong trào đấu tranh theo hệ dân chủ tư sản**

1) Phong trào Đông Du (1906 – 1908) do nhà yêu nước Phan Bội Châu lãnh đạo

2) Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục(1907) do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lãnh đạo. Sử dụng các hình thức tuyên truyền đả phá chế độ phong kiến, **cải cách văn hoá, vận động học chữ quốc ngữ, cổ vũ lòng yêu nước...**

3) Phong trào Duy Tân(1906 – 1908) do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp khởi xướng nhằm cải cách văn hoá, xã hội, phê phán chế độ phong kiến, đề xướng “**khai dân khí, trấn dân khí, hậu dân sinh**” cổ vũ lập hội buôn, dùng hàng nội, mời trường học...

4) VN Quan phục Hội (1912) theo con đường cách mạng Tân Hợi – TQ(1911) do cụ Phan Bội Châu thành lập

**Với tôn chỉ:** “đánh đuổi quân Pháp, khôi phục nước VN, thành lập Cộng hoà Dân quốc VN”

5) VN Quốc dân Đảng thành lập 12 / 1927 do Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thái Học... lãnh đạo, với thất bại cuối cùng – khởi nghĩa Yên Bái

**Tóm lại,** các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiến bộ, chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước.

## ***1.2. Quá trình ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam***

### ***• Hoàn cảnh đất nước VN cuối TK XIX - XX***

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong hoàn cảnh đất nước trở thành nô lệ của thực dân Pháp, người đã kế thừa những tư tưởng yêu nước của các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...; nhưng người quyết không theo tư tưởng cách mạng của các bậc tiền bối, Nguyễn quyết tìm con đường cách mạng mới:

+ Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời cảng nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

+ Giữa năm 1917, người về Pháp hoạt động trong không khí sục sôi của cách mạng và người đã biết đến sự kiện trấn động thế giới – cách mạng tháng Mười Nga

+ Năm 1919, người gửi bản “**yêu sách của nhân dân An Nam**” nhưng không được chấp nhận

+ Tháng 7/1920, người đọc *bản thảo lần thứ nhất về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lenin* và đến tháng 12/1920 người bỏ phiếu cho QTCS và là người sáng lập đảng cộng sản Pháp. Từ đó chuyển biết lập trường cách mạng từ lập trường yêu nước sang lập trường vô sản.

• **Chuyển biến lập trường cách mạng**

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản là bước ngoặt về chất trong lập trường chính trị của NAQ. Từ đó, NAQ tích cực đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lenin, hoạt động trong phong trào cách mạng thế giới, tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản VN:

+ **Chuẩn bị về tư tưởng:** Tự học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng lý luận Mác – Lenin; Tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lenin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước

+ **Chuẩn bị về tổ chức:** Năm 1921, NAQ cùng một số nhà yêu nước sáng lập “**Hội liên hiệp thuộc địa**” và ra tờ báo **Người cùng khổ**; Năm 1924, về Quảng Châu – TQ sáng lập “**Hội liên hiệp các nước bị áp bức**”; Tháng 6/1925 thành lập Hội VN cách mạng Thanh niên và báo Thanh niên.

**Nhiệm vụ của các tổ chức này là:** truyền bá chủ nghĩa Mác – Lenin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước; phát triển hội viên; đào tạo cán bộ cho cách mạng.

+ **Chuẩn bị về chính trị:** Mở các lớp chính trị do chính NAQ giảng bài và huấn luyện sau tập hợp thành tác phẩm “**Đường khách mệnh**”(xuất bản năm 1927); Đưa các đồng chí có năng lực học ở nước ngoài và sau đó đưa về nước hoạt động, gây dựng phong trào cách mạng.

**Kết quả:** với sự phát triển rộng khắp của Hội VN cách mạng thanh niên dẫn đến sự ra đời của **ba tổ chức cộng sản đầu tiên:**

- Đông Dương cộng sản đảng (17/6/1929)
- An Nam cộng sản Đảng (8/1929)
- Đông Dương cộng sản Liên Đoàn (1/1930)

- **Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản VN**

+ Được sự chỉ đạo của QTCS, với tư cách là đại biểu QTCS, NAQ về nước đứng ra triệu tập và chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, bao gồm các đại biểu của Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản Liên Đoàn lấy tên là “**Đảng Cộng sản VN**”(diễn ra từ ngày 3 đến 7/2/1930 tại Hương Cảng – TQ) thông qua **Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt** và lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

+ Ngày 24/2/1930, Đông Dương cộng sản Liên Đoàn ra nhập, hoàn thành việc thống nhất Đảng cộng sản VN trên cả nước

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng(9/1960) đã quyết định lấy ngày 3/2/1930 là ngày thành lập Đảng Cộng sản VN.

### **1.3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng và những thắng lợi của cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng:**

*Một là, đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước; Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; Từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

*Hai là, đường lối cách mạng vô sản của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng khát vọng ngàn đời của nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, nông dân và những người nghèo khổ về một xã hội tốt đẹp, trong đó mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, công bằng, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn... Đó chính là lý tưởng cộng sản, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Do đó, Đảng Cộng sản tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tin theo, trước hết là nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân và nông dân.*

*Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có thể tập hợp được một lực lượng cách mạng hùng hậu cho phép giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp đồng thời đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại cơm no, áo ấm cho nhân dân.*

### **2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng**

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

### **2.1. Giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc**

+ *Đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân.* Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi này chính nhờ đường lối đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử (đây là mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc).

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi giai cấp tư sản vừa bóc lột giai cấp công nhân ở chính quốc, vừa bóc lột nhân dân thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Đảng của giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa nắm lấy và giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, gắn phong trào giải phóng dân tộc trong nước với phong trào cách mạng thế giới.

+ *Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

### **2.2. Vai trò của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước**

V.I.Lênin khẳng định: Giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền còn khó hơn nhiều. Sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản là lực lượng duy nhất có thể tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân để bảo vệ thành quả cách mạng. Có được khả năng đó là do Đảng gồm những người tiên tiến nhất của giai cấp và dân tộc, trung thành, kiên định với lợi ích của dân tộc, luôn đi đầu, sẵn sàng hy sinh vì nền độc lập dân tộc nên được nhân dân tin tưởng và đi theo.

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng to lớn để lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới vì con đường cách



mạng do Đảng lãnh đạo phù hợp với thời đại và quy luật phát triển của xã hội. Đảng không có mục đích tự thân. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực tế trong quá trình đấu tranh giành và giữ chính quyền, có những lực lượng chính trị tham gia cùng với Đảng, nhưng khi cách mạng gặp khó khăn, họ đều chùn bước. Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản, của dân tộc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lợi ích đó. Biết bao đảng viên và quần chúng của Đảng đã suốt đời phấn đấu, hy sinh vì lý tưởng cao cả, vì độc lập, tự do của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

## II. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

### 1. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

#### *1.1. Khái quát các giai đoạn cách mạng Việt Nam*

- Phong trào cách mạng rộng lớn, đỉnh cao Xôviết Nghệ Tĩnh(1930 – 1931)

Phong trào này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Phong trào này đã được Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

- Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng 1932 - 1935

Sau giai đoạn 1930 – 1931, kẻ thù có âm mưu dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam, thẳng tay đàn áp; hàng nghìn chiến sỹ cộng sản, hàng vạn quần chúng yêu nước bị bắt hoặc bị tù đầy. Đồng chí Trần Phú bị bắt chưa kịp xét xử đã chết, đồng chí Nguyễn Ái Quốc bị bắt ngày 6/6/1931 tại Hồng Kông và được thả năm 1933; Lý Tử Trọng, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh...lần lượt bị xử tử.

- Phong trào dân chủ giai đoạn 1936 - 1939

+ Hoàn cảnh, sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng, duy trì tổ chức quần chúng cách mạng, đến năm 1936, khi tình hình trong nước và thế giới có sự biến chuyển mới, Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, chuyển hướng đấu tranh sang đòi dân sinh dân chủ, với các hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giành chính quyền.

+ Ý nghĩa, phong trào đấu tranh những năm 1936-1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bất hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

- Chủ trương đấu tranh từ 1939 – 1945 và tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Hoàn cảnh, Từ năm 1939, khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi phátxít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do là yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Ngày 02-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một

Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

- *Giai đoạn đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 – 1946*

+ **Hoàn cảnh**, ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lăm le xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

+ **Chủ trương của đảng**, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đối với các thế lực thù địch, chúng ta đã thực hiện sách lược mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa chúng, dành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến.

+ **Ý nghĩa**, với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã *động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.*

- *Đường lối cách mạng giai đoạn 1946 – 1954*

Bất chấp mong muốn độc lập và hòa bình của Chính phủ và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng có dã tâm cướp nước ta một lần nữa.

Lịch sử đó đặt dân tộc ta trước một thử thách mới, phải đứng lên bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Đêm ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên với quyết tâm “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Với đường lối

kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

- *Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975)*

Trong những năm 1954-1975, với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

**Một là**, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

**Hai là**, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh khổng lồ hùng tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta. Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian

khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

## **1.2. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc**

*a. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.*

Cách mạng Tháng Tám thành công:

+ **Thứ nhất**, là bước ngoặt vĩ đại, đã xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm ở nước ta, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

+ **Thứ hai**, đưa nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa người nô lệ trở thành người chủ đất nước.

+ **Thứ ba**, là cuộc cách mạng điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo; thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác- Lênin ở một nước thuộc địa, góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

*b. Thắng lợi oanh liệt của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc (1945 - 1975)*

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ:

+ **Thứ nhất**, đã bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỷ; đã giải phóng miền Bắc, đưa Miền Bắc quá độ lên CNXH và tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

+ **Thứ hai**, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quân dân cả nước với tinh thần yêu nước, bất khuất, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ. chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, có sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước

Việt Nam, Lào, Campuchia và sự giúp đỡ, ủng hộ của các nước XHCN anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới và Mỹ.

+ **Thứ ba**, quét sách được quân xâm lược ra khỏi đất nước, kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm mở ra một thời kỳ mới, cả nước hoà bình, độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ **Thứ tư**, đánh bại một cuộc chiến tranh tàn bạo, ác liệt, có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc, làm phá sản liên tiếp nhiều học thuyết và thủ đoạn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; phá vỡ một mắt xích quan trọng và mạnh nhất trong hệ thống thuộc địa ở Đông Dương, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.

## **2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới**

Đại hội VI (12-1986) Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện và luôn xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần xã hội.

+ **Một là**, *đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, kinh tế tăng trưởng khá nhanh*: sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá phát triển, kinh tế thị trường định hướng XHCN được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

+ **Hai là**, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao...

+ **Ba là**, những thành tựu đó chứng tỏ Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam; nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận

nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

### CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và phân tích các yếu tố để góp phần để lãnh tụ Nguyễn ái Quốc tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm cho cách mạng Việt Nam một con đường đúng đắn?

2. Phân tích và chứng minh rằng: con đường cứu nước của Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn ái Quốc lựa chọn phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam?

3. Trình bày những yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?

4. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?

5. Phân tích những thắng lợi vĩ đại của của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Qua đó rút ra những truyền thống quý báu của Đảng.

6. Vì sao sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

## ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

### I. TÍNH TẤT YẾU VÀ BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

#### 1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội

a. Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định xã hội loài người phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế-xã hội, từ cộng sản nguyên thủy đến cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp là xã hội chủ nghĩa) là một quá trình lịch sử tự nhiên, nghĩa là tất yếu sẽ diễn ra. Tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quy luật phát triển của xã hội loài người.

b. *Mỗi hình thái kinh tế-xã hội tương ứng với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng được xây dựng trên quan hệ sản xuất đó.* Trong xã hội tư bản, lực lượng sản xuất phát triển mâu thuẫn với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Giữa hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là giai cấp công nhân và giai cấp tư sản mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân như bãi công, biểu tình... đòi tăng lương, đòi quyền dân sinh, dân chủ, cải thiện đời sống liên tiếp nổ ra. Cuộc đấu tranh ấy nổ ra từ tự phát đến tự giác.

c. *Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ bùng nổ để thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.* Cách mạng xã hội chủ nghĩa là điều kiện để giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng công nhân và nhân dân lao động.

d. *Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.* Các cuộc cách mạng xã hội ở châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh đã giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, mở ra khả năng cho nhiều nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.



Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Các dân tộc dù sớm hay muộn đều đi lên chủ nghĩa xã hội.

## **2. Bản chất của chủ nghĩa xã hội**

*Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản là một xã hội đặc trưng cơ bản sau:*

- Có nền kinh tế phát triển cao được xây dựng trên cơ sở lực lượng sản xuất hiện đại và phát triển bền vững. Đó là nền đại công nghiệp và kiểu tổ chức về lao động có năng suất cao hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. V. I. Lênin nói “Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô viết cộng với điện khí hoá toàn quốc”.

- Có quan hệ sản xuất tiến bộ trên cơ sở xoá bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Phân phối sản phẩm trong xã hội phát triển theo hai giai đoạn từ thấp đến cao. Phân phối sản phẩm trong chủ nghĩa xã hội là phân phối theo lao động, ở giai đoạn cao là phân phối theo nhu cầu.

- Có nền văn hoá và tư tưởng tiến bộ với lối sống dựa trên cơ sở bình đẳng, dân chủ và chủ nghĩa tập thể. Con người phát triển tự do, toàn diện. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do của mỗi người.

- Các dân tộc trên thế giới đoàn kết hữu nghị và bình đẳng, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về chủ nghĩa xã hội với nhiều đặc trưng. Chủ nghĩa xã hội là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do, là đoàn kết, vui khoẻ, là nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy. Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc...

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì cao xa mà cụ thể là ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật, tinh thần thi đua yêu nước, tăng sản xuất cho hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên, tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám nói, không sợ khó, ý thức cần kiệm”<sup>13</sup>.

Vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta luôn tìm tòi, xác định mô hình, bước đi và những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

## **II. ĐẶC TRƯNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu và lý tưởng của toàn Đảng và toàn dân ta. Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, dựng nên nhà nước dân chủ cộng hòa, tiến hành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện lý tưởng cao đẹp của toàn Đảng, toàn dân: xây dựng Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội do các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin vạch ra đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng sáng tạo và có kết quả vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng (năm 1991) đã nêu 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa: “Đó là xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”. (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.111)

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã điều chỉnh, chuẩn hóa một số nội dung và cô đọng hóa một số đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

### **1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**

Đây là đặc trưng tổng quát nhất, chi phối các đặc trưng khác bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, là nguyện vọng, mơ ước của nhân dân

tiến bộ trên thế giới, là cái đích của xã hội loài người nói chung. Vì vậy, đây là đặc trưng thể hiện sự khác nhau căn bản, sự tiến bộ hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ xã hội trước đó.

Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho mục tiêu kia. Ở Việt Nam, trong điều kiện xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thì yêu cầu phấn đấu cho một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu chiến lược vô cùng đẹp đẽ, tất yếu trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Do nhân dân làm chủ**

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta xây dựng “do nhân dân làm chủ” là đặc trưng quan trọng và quyết định nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân dân lao động làm chủ được bảo đảm trên thực tế, trong mọi mặt đời sống xã hội.

Nhà nước ta là Nhà nước của Dân, do Dân và vì Dân: Dân là người chủ đất nước, Nhà nước là công cụ quản lý đất nước của Dân, mọi quyền lực Nhà nước đều ở nơi Dân, mọi tài sản của Nhà nước đều là của Dân. Đó là bản chất chính trị, bản chất nhân dân cực kỳ quan trọng của Nhà nước ta.

Đặc trưng này không thể tách rời những yêu cầu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nói dân giàu, nước mạnh chính là thể hiện vai trò chủ thể của nhân dân đối với nhà nước - dân là chủ, nó vừa là mục tiêu, lại vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

## **3 Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.**

Mác đã khẳng định: chủ nghĩa xã hội chỉ thực hiện được bởi “một nền đại công nghiệp”. Nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, là hiện thân và là yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó thiết

lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Đảng ta đã tập trung phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trước mắt là hoàn thiện thể chế của nó; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nhằm xây dựng một lực lượng sản xuất hiện đại để có một nền kinh tế phát triển cao - điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững xã hội xã hội chủ nghĩa.

#### **4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Nếu như “nền kinh tế phát triển cao” là nội lực, là sức mạnh vật chất cho phát triển xã hội thì văn hóa là nguồn lực tinh thần bên trong của phát triển xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chính là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực và sức mạnh thúc đẩy xã hội đó phát triển. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần kế thừa và phát huy những giá trị, tinh hoa văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc; đồng thời, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và văn hóa thời đại để phát triển văn hóa Việt Nam thực sự là nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực và sức mạnh cho xã hội phát triển.

Hơn nữa, bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, khoa học và nhân văn. Cho nên, chủ nghĩa xã hội đồng chất và cùng chiều với văn hóa; phấn đấu cho những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cũng chính là phấn đấu cho những giá trị văn hóa - xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội văn hóa cao. Chính vì vậy, Đảng ta chủ trương phát triển nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng, làm phong phú diện mạo văn hóa Việt Nam.

#### **5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện**

Nói đến cùng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình phấn đấu đạt tới những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đều là vì con người. Cho nên lịch sử của loài người là lịch sử con người đấu tranh xóa bỏ mọi lực cản thiên nhiên và xã hội để vươn tới một xã hội cao đẹp nhất - xã hội đó chính là xã hội xã hội chủ nghĩa. Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, trình độ phát triển của xã hội chủ nghĩa,

rõ ràng, là bản chất và trình độ phát triển người, của con người. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Nhưng bản tính con người là không bao giờ thỏa mãn với những gì đã đạt được. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội. Điều quan trọng hơn là nó được thăng hoa tiềm năng trí tuệ, tình cảm và năng lực vốn có để thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình. Sự phát triển toàn diện con người là ước mơ, khát vọng của con người tự do.

Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người... như C.Mác đã nói. Đặc trưng người nhất của khát vọng con người là hạnh phúc. Bởi có thể người ta giàu có, đầy đủ tiện nghi, được phát triển, song vẫn bất hạnh. Hạnh phúc là trạng thái yên lành, hài hòa, là tinh thần thoải mái biểu hiện sự mãn nguyện thanh cao nhất của con người. Phần đầu đạt tới một xã hội bảo đảm hạnh phúc cho con người, đó là một xã hội văn hóa cao.

## **6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển**

Nếu như các đặc trưng nêu trên (kinh tế, văn hóa, con người) là những yếu tố thuộc phẩm chất bên trong tạo nên một chỉnh thể xã hội, thì ở đặc trưng này đòi hỏi những yếu tố thiết yếu cho sự tồn tại bền vững của xã hội lành mạnh. “Bình đẳng” là một phẩm chất và giá trị nhân quyền thể hiện trình độ phát triển và chất nhân văn cao của xã hội. Một đòi hỏi quan trọng của xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia. Ngay trong xã hội hiện đại, ở các nước phát triển, thực hiện bình đẳng giữa các tộc người, các dân tộc cũng đang là vấn đề nan giải. Mặt khác, “đoàn kết” là sức mạnh - đó là một chân lý.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã kêu gọi: Những người lao động ở tất cả các nước trên thế giới đoàn kết lại (C.Mác); còn trong cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát một chân lý: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công,

đại thành công. Đồng thời đây cũng là một giá trị đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. “Bình đẳng” và “đoàn kết” chính là nền tảng của sự “tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc; là một tiêu chuẩn quan trọng của xã hội phát triển. Đoàn kết toàn dân, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc đã làm nên thành công của cách mạng Việt Nam. Và giờ đây, tinh thần đó, phương châm đó đang là những nét đặc sắc của giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo**

Nhà nước pháp quyền là một hình thức quản lý nhà nước trên một trình độ cao và hiệu quả. Nó điều hành hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Nhưng vấn đề ở đây là pháp luật nào? Pháp luật của ai và vì ai?

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức và quản lý xã hội bằng hệ thống pháp luật đó và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng mang bản chất, nội dung, thực hiện mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

### **8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới**

Theo nguyên lý phát triển xã hội, đặc biệt trong thế giới hiện đại, mỗi quốc gia là một bộ phận hợp thành cộng đồng quốc tế. Sự phát triển quốc gia xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ có được khi đẩy mạnh “quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Quan hệ hữu nghị và hợp tác chính là thể hiện bản chất hòa hảo, thiện chí và tạo điều kiện cho các quốc gia hội nhập, tiếp thu những thành quả phát triển của mỗi bên, tích lũy kinh nghiệm và rút ngắn quá trình phát triển của mỗi nước. Điều có ý nghĩa lớn lao hơn là ở chỗ, “hữu nghị”, “hợp tác”, “phát triển” chính là bản chất, là khát vọng hòa đồng theo bản chất trí tuệ và tình cảm nhân văn cao cả có tính nhân loại của con người, của loài người; điều thể hiện bản chất cao đẹp nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đây là một đặc trưng nổi bật của nội dung và mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Và chính nó là yếu tố, điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh chóng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được đặc trưng nêu trên, Đảng ta vạch ra đường lối đối ngoại: độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

#### **1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường**

Từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hoá. Trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, công nghiệp hoá phải kết hợp ngay từ đầu với hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu. công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trải qua lộ trình 3 bước: tạo tiền đề, điều kiện phát triển; đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng phát triển. Công nghiệp

hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia; phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển dịch vụ hiện đại; phát triển kinh tế biển, kinh tế vùng và liên vùng; phát triển đô thị và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Xác định tiêu chí của nước công nghiệp hiện đại thể hiện được trình độ phát triển về kinh tế, trình độ phát triển về xã hội và trình độ phát triển về môi trường. Đây là điểm mới vì tiêu chí mang tính tổng hợp, toàn diện: kinh tế - xã hội - môi trường. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên. Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Thực hiện việc đấu thầu quyền khai thác, hoạt động khai thác khoáng sản. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu và cụm công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường.

## **2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**



Đây là bước phát triển mới về lý luận của Đảng ta trong quá trình đổi mới. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình đó đòi hỏi phải:

Phát triển các thành phần kinh tế; các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**

Để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh phải lấy văn hoá làm nền tảng tinh thần. Cần tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đây cũng là điểm mới vì Đảng gắn

phát triển văn hóa với phát triển con người. Để thực hiện được mục tiêu này, Đảng ta yêu cầu: quán triệt mục tiêu phát triển là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

Mục tiêu của phương hướng này là nhằm quản lý xã hội, phát triển xã hội trong sự hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, không để xảy ra xung đột xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho đất nước phát triển. Muốn vậy, phải thực hiện tốt hai nhiệm vụ lớn:

Một là, giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

#### **4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội**

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong điều kiện mới, tình hình mới, cần nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm an ninh quốc gia ngày nay bao gồm: an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội. Bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới.

Mục tiêu của phương hướng này là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. Để thực hiện được mục tiêu này, Đại hội XII đề ra 7 nhiệm vụ:

Nhận thức việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội.

Có kế sách ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

## **5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**

Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu khách quan đang lôi cuốn nhiều nước tham gia. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Chủ động về đường lối, chính sách, bước đi trong hội nhập. Tích cực chuẩn bị vươn lên tham gia mạnh mẽ hơn, đầy đủ hơn vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Thực hiện nhất

quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và hỗ trợ đồng bào ta ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển và hòa nhập tốt với cộng đồng nước sở tại, đóng góp vào tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Làm tốt công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

## **6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất**

Mục tiêu của phương hướng này là để mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Để thực hiện có hiệu quả, Đại hội XII của Đảng yêu cầu: thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và gián tiếp; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; bảo đảm phát huy dân chủ trong

Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội; phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ cương, kỷ luật và đạo đức xã hội.

Đại hội XII của Đảng coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng nước ta, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện có hiệu quả phương hướng này, Đảng ta yêu cầu: tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; phát huy vai trò của giai cấp nông dân; xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh; quan tâm nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi; thực hiện đoàn kết các dân tộc anh em; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

### **7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**

Để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có hiệu quả, Đại hội XII yêu cầu giải quyết tốt những vấn đề sau: coi việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật

gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước

Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước: **Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.** Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức; xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài.

## **8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**

Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong điều kiện hiện nay, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là “nhiệm vụ then chốt”, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

Kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI; chú trọng xây dựng Đảng về chính trị; đổi mới công tác tư tưởng lý luận; tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng. Đây là điểm mới vì trước đây trong công tác xây dựng Đảng chúng ta chỉ chú ý xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Đại hội XII nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, đặt nhiệm vụ tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh lên hàng đầu. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ

luật Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Căn cứ yêu cầu và điều kiện cụ thể của công cuộc đổi mới, Đại hội XII đã xác định các nhiệm vụ trụ cột của cách mạng nước ta hiện nay là : Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt ; xây dựng văn hóa, con người là nền tảng tinh thần của xã hội ; tăng cường quốc phòng an ninh là trọng yếu thường xuyên. Trong hơn 30 năm đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta , dân tộc ta ngày càng rõ ràng đầy đủ hơn.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao nói VN lựa chọn con đường quá độ lên CNXH là một tất yếu lịch sử ?
2. Tại sao độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.
3. Trình bày Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
4. Trình bày Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

## PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

### I. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

#### 1. Quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng

##### • Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyên mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI và khu vực sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông



ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- ***Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại***

Xác định *hệ tiêu chí nước công nghiệp* theo hướng hiện đại. Chú trọng những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế (GDP bình quân đầu người, tỉ trọng giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, tỉ trọng nông nghiệp, tỉ lệ đô thị hóa, điện bình quân đầu người,...); những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội (chỉ số phát triển con người, tuổi thọ bình quân, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, số bác sĩ trên 1 vạn dân, tỉ lệ lao động qua đào tạo,...); và những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về môi trường (tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch, độ che phủ rừng, tỉ lệ giảm mức phát thải khí nhà kính,...).

*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới* là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; có văn minh công nghiệp chiếm ưu thế trong sản xuất và đời sống xã hội; phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp

hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- ***Phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những nhận thức có giá trị định hướng trên đây cần được tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Đến năm 2020*, phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể

chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- ***Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp***

Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế. Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại *doanh nghiệp nhà nước* theo hướng: doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn tại những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm hoặc không cần giữ cổ phần chi phối, kể cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả. Hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích. Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công theo hướng nâng cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính; xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ công, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của *kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã*; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với *sở hữu hỗn hợp*, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh *kinh tế tư nhân* ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Nâng cao hiệu quả thu hút *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực.

- ***Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường***

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá. Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hóa *thị trường hàng hóa, dịch vụ* theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả. Cơ cấu lại *thị trường tài chính*, bảo đảm lành mạnh hóa và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, loại bỏ nguy cơ mất an toàn hệ thống, phục vụ có hiệu quả phát triển sản xuất kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc thị trường đối với thị trường tài chính gắn với tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước và giám sát của xã hội; phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phái sinh, cho thuê tài sản. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để *thị trường bất động sản* vận hành thông suốt, phù hợp quy luật cung - cầu nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên đất; ngăn ngừa đầu cơ, lãng phí. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông *thị trường lao động* cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ *thị trường khoa học - công nghệ*, thực hiện cơ chế thị trường và có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

- ***Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế***

Tiếp tục nghiên cứu, đàm phán, ký kết, chuẩn bị kỹ các điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư,... Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hoàn thiện thể chế để tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

- ***Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội***

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hoá và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; lãnh đạo việc bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác tham mưu về kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội.

- ***Quản lý phát triển xã hội***

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội. Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia

tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững. Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, bảo đảm sự hài hòa cả trong phát triển, hưởng thụ; bảo đảm cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề hợp lý. Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện. Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

## **2. Quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người**

Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có kết quả mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- ***Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển.***

Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân



rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

- ***Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.***

Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng môi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng.

- ***Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.***

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- ***Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa.***

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh

hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

- ***Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản.***

Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên.

- ***Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa.***

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

- ***Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.***

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua

các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

- ***Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.***

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Chấn chỉnh và quản lý tốt các hoạt động lễ hội. rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

## **II. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay**

### ***1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội***

- ***Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy vai trò của nền kinh tế nhà nước***

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là giải phóng sức sản xuất của xã hội, nhằm huy động các nguồn lực phát triển kinh tế thị trường; đồng thời tạo

môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế và đó là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị dịch vụ công phù hợp kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh; đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế nhất là lĩnh vực công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

- ***Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên môi trường.***

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là tạo lập những tiền đề vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ, gắn với nền kinh tế tri thức ở các ngành các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân. Để thực hiện được cần: phát triển mạnh khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu và đổi mới công nghệ.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Cơ cấu kinh tế xây dựng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác lợi thế của các vùng

miền, các ngành, các lĩnh vực, đồng thời phải phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Các cơ cấu kinh tế đó là: cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế.

- ***Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường***

Yếu tố thị trường và các loại thị trường là nhân tố để giải quyết những mối quan hệ trong nền kinh tế thị trường; đáp ứng yêu cầu đầu vào và đầu ra của nền kinh tế. Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường; do đó, các yếu tố thị trường chưa hoàn thiện và các thị trường phát triển. Vì vậy, phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

Tạo môi trường (pháp lý, kinh tế - xã hội) để các yếu tố của thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.

Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước (đặc biệt các thị trường lớn như: Mỹ, Châu Âu, Đông Á và một số thị trường truyền thống Nga và các nước Đông Âu cũ).

- ***Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.***

Đại hội XII đã kế thừa, làm rõ và thể hiện bước phát triển mới trên nhiều luận điểm quan trọng: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực giải phóng sức sản xuất; Đại hội khẳng định mạnh mẽ hơn vai trò của kinh tế tư nhân; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhưng phải phù hợp với kinh tế thị trường.

Sự lựa chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) ở nước ta xuất phát từ nhận thức đúng đắn của Đảng ta: kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có thể tồn tại và thích ứng với nhiều hình thái xã hội khác nhau; kinh tế thị trường phát triển với trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản song không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản và cũng không đối lập với chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Dù không phải là một cơ chế hoàn hảo, song kinh tế thị trường vẫn chứng tỏ là một cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và phát triển được coi là ưu thế nhất hiện nay.

Một quốc gia dựa trên nền tảng thị trường để phát triển kinh tế có thể chưa chắc thành công, song một quốc gia không có nền kinh tế thị trường chắc chắn sẽ không thể phát triển trong dài hạn. Tự thân kinh tế thị trường không đưa đến chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn xây dựng CNXH thành công dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường định hướng XHCH ở nước ta là một mô hình hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử và thời gian phát triển hơn 30 năm. Do vậy, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCH là một quá trình hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo không ngừng trong nhận thức, tư duy lý luận và thực tiễn.

Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực

kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

- ***Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội***

Trải qua các giai đoạn phát triển của đất nước, từ nhận thức đúng đắn tính thống nhất và mâu thuẫn trong quá trình thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước đề ra những quan điểm, chủ trương đúng đắn để xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tư tưởng đó dần được hoàn thiện qua các kỳ đại hội của Đảng.

Thứ nhất, hoàn thiện mô hình tổng quát giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030. Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam lựa chọn trong giai đoạn tới tiếp tục phải là mô hình “gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa,

thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Nội dung chính của mô hình này là: thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế nhanh với công bằng xã hội ngay từ đầu khi xây dựng, thực thi chính sách kinh tế - xã hội và trong toàn bộ tiến trình phát triển; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa cả ba mặt là kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nhanh và bền vững. Cụ thể là: tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường; phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các yếu tố, các loại thị trường trong nước; mở rộng, đa dạng hóa thị trường ngoài nước; phát huy đồng bộ các thành phần kinh tế; đề cao vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhằm huy động tốt nhất mọi nguồn lực trong dân. Tập trung thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là thực hiện thành công ba khâu đột phá chiến lược; thực hiện mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, hiệu quả và lợi thế so sánh, hướng tới mục tiêu dài hạn, bền vững, hiệu quả và vì con người; hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng ngành, từng địa phương.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, các công cụ điều tiết, chính



sách phân phối để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Xây dựng và hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo lộ trình phù hợp, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động đang làm việc, cũng như người đã nghỉ hưu theo chế độ.

- ***Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp những luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chính sách của Đảng để thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước sẽ quyết định đến định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, hiệu quả khai thác và sử dụng các tiềm năng quốc gia.

Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của nhà nước như: Luật pháp; chính sách (tiền tệ, tài chính...) các công cụ khác (thuế, lãi suất,...).

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

- ***Mở rộng kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế***

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

- ***Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.***

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo

vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

## **2. Nội dung phát triển văn hóa, con người**

***\* Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ***

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nội dung cụ thể của giải pháp này là: xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam; ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức; xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa và phát triển con người; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò của thông tin truyền thông; phát triển, hoàn thiện, sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa; giảm sự chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa giữa các giai tầng, các nhóm xã hội. Làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***\* Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, “Chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với những thành tựu văn hóa nhân loại, đồng thời giới thiệu với nhân

dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam”. Tuy nhiên, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang đặt nền văn hóa dân tộc trước những thách thức, những “nguy cơ bất ổn”. Đó là khuynh hướng phổ biến các mô típ văn hóa chung toàn cầu. Khuynh hướng đó có thể sẽ dẫn đến “đồng nhất” các giá trị văn hóa, san bằng, “đồng hoá” các nền văn hóa của các dân tộc. Quá trình toàn cầu hóa có thể dẫn đến nguy cơ đồng nhất hóa các hệ thống giá trị, dẫn đến tự xóa bỏ ý thức dân tộc, làm cạn kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hóa - nhân tố được coi là hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của các dân tộc và nhân loại. “Xu hướng toàn cầu hóa có thể gây phương hại tới tính sáng tạo và đa văn hóa của thế giới, tạo ra sự đồng nhất nghèo nàn về văn hóa”. Vì vậy, năm 2005, UNESCO đã thông qua Công ước về Đa dạng văn hóa nhằm giữ gìn đặc tính riêng về văn hóa của các dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Phát triển nền văn hóa dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, chúng ta đứng trước yêu cầu cấp thiết là phải bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là các giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng. Mở rộng giao lưu với bên ngoài phải có sự cân nhắc, lựa chọn để tiếp thu những yếu tố nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, phù hợp với nền tảng tinh thần của chế độ XHCN.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc là bảo vệ và phát huy “những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình-làng xã -Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống (...) các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc là “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa - tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa (...) coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa

cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại”. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ. Cần có cơ chế, chính sách để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản văn hóa được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc phải gắn liền với mở rộng giao lưu quốc tế. “Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa”.

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam.

***\* Tăng cường sáng tạo, truyền bá, phổ biến những giá trị văn hóa thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ khoa học và cách mạng; làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vào mỗi gia đình và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh.***

Khai thác mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo văn hóa của đội ngũ trí thức và nhân dân để phát triển văn hóa. Tinh thần chung của các quan điểm, chính sách, biện pháp là phải bảo đảm những điều kiện để các nhà văn hóa làm tốt vai trò xã hội và chức năng cao cả của mình là sáng tạo, truyền bá, phổ biến những giá trị văn hóa dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, cách mạng. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà hoạt động văn hóa tìm tòi, sáng tạo; bảo đảm tự do sáng tạo, tự do dân chủ cá nhân đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của các nhà văn hóa đối với Tổ quốc, nhân dân và CNXH.

Đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa. Huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa, có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp, tạo điều kiện cho văn hóa nước nhà phát triển vững chắc và đúng hướng trong thời kỳ mới. Thực hiện đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ, khẩn trương nghiên cứu để sớm có các chế độ, thù lao bảo đảm cho những người hoạt động văn hóa yên tâm sáng tạo, cống hiến.

Tập trung “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống”. Phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Cùng cố xây dựng và hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch, thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản

phẩm văn hóa lành mạnh. Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. “Phải coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên. Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng”. Phải tập trung thực hiện mục tiêu: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị”.

Nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát huy tinh thần trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương và của nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh văn hóa. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và đất nước...

***\* Đấu tranh có hiệu quả chống các quan điểm, tư tưởng, sản phẩm văn hóa lạc hậu, độc hại, sai trái; sự phá hoại về tư tưởng-văn hóa của các thế lực thù địch; đề ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế, yếu***



***kém nghiêm trọng, kéo dài trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.***

Trong phát triển văn hóa, con người toàn diện và bền vững, chúng ta lấy “xây” làm chính, nhằm sáng tạo, vun đắp nên những giá trị văn hóa, con người mới, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đồng thời “xây” phải đi đôi với “chống” những tư tưởng, hành vi, sản phẩm văn hóa lệch lạc, sai trái, lạc hậu, phản động.

Đảng ta đã chỉ rõ tình trạng “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng (...) Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng”.

Trước thực trạng trên, cần đẩy mạnh đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn; chống các quan điểm, hành vi sai trái, lạc hậu, tiêu cực, phản động; “chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm”...

Tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên; chú trọng rèn luyện đạo đức cách mạng; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên lắng ý kiến của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người suy thoái, tha hóa về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Các giải pháp phải bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, “nói đi đôi với làm”, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc.

***\* Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới: Gắn kết văn hóa với chính trị và kinh tế***

Trong thời kỳ mới, văn hóa phải thôi thúc con người tự nhận thức được trách nhiệm của mình và thực thi trách nhiệm đó một cách tốt nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động. Cần phải làm cho văn hóa thấm vào mọi mặt của đời sống

xã hội và vào từng con người; vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị,... Chính vì vậy, bên cạnh ba trụ cột phát triển bền vững kinh tế - xã hội gồm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường thì sự phát triển bền vững của bất cứ một quốc gia nào trong thời hiện đại cũng còn cần phải có sự phát triển bền vững về văn hóa.

***\* Tập trung xây dựng và phát triển con người Việt Nam, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển.***

Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển văn hóa, con người toàn diện và bền vững là xây dựng con người Việt Nam - chủ thể của nền văn hóa Việt Nam. “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển”.

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Trong xây dựng con người, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước... Tập trung xây dựng con người Việt Nam với các đặc tính cơ bản là: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa,

làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, bền vững, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học và cách mạng là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong suốt thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm mở rộng sự tham gia của cả xã hội vào việc chăm lo phát triển văn hóa, con người; huy động các nguồn lực đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người... Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, các nhà hoạt động văn hóa vào việc phát triển văn hóa và con người Việt Nam... làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước và chế độ XHCN.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày Quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
2. Trình bày Quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người
3. Trình bày Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
4. Trình bày Giải pháp phát triển văn hóa, con người của Đảng
5. Để mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển đúng đắn và hiệu quả thì cần phải làm gì?
6. Vì sao phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ? để thực hiện điều đó Đảng ta đã có những chủ trương gì ?

## TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong những quy luật chung và là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, bảo đảm cho đất nước có điều kiện hòa bình, ổn định và phát triển. Hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ra sức chống phá chủ nghĩa xã hội từ nhiều phía thì vấn đề tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế đang là nhiệm vụ sống còn của các quốc gia xã hội chủ nghĩa trong đó có Việt Nam, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

### **I. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế**

#### **1. Bối cảnh quốc tế**

*\* Trên thế giới trong những năm tới, tình hình sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.*

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

*\* Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt.*

*\* Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn.*

Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu

vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đối mặt với những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia là tất yếu.

*\* Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp.*

Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

\* Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới.

Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

## **2. Về tình hình trong nước**

\* Trong nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

\* Kinh tế nước ta từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

\* *Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển đảo đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Những thành tựu, kinh nghiệm của hơn 30 năm đổi mới đất nước đã tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước.*

\* Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn.

\* Tuy nhiên, cần nghiên cứu và dự báo chính xác về các tình huống phức tạp cụ thể để có các phương án chủ động phòng ngừa, tránh để rơi vào tình trạng đối đầu hoặc bị cô lập; kiên quyết không để xảy ra những diễn biến phức tạp. Trong bất cứ tình huống nào cũng không để lâm vào tình trạng bị động và bảo đảm đủ sức đối phó thắng lợi trong mọi tình huống.

## **II. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh**

Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn. Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trước sự tác động của tình hình thế giới và trong nước, nhiều vấn đề mới, yêu

cầu mới đặt ra đòi hỏi việc tăng cường quốc phòng, an ninh phải đẩy mạnh hơn nữa trên cơ sở tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

### ***1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh***

+ Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

+ Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ Tổ quốc.

+ Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

### ***2. Những nhiệm vụ chủ yếu của quốc phòng, an ninh***

Trong bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều phức tạp, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định những nhiệm vụ chủ yếu tăng cường khả năng quốc phòng, an ninh như sau:

+ Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin, luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

+ Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

+ Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất



nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

+ Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

+ Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

+ *Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cần tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng; tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Kiên quyết giữ vững ổn định kinh tế - xã hội trong mọi tình huống.

+ Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo.

III. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

1. *Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại*

Trong quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế hiện nay phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm:

+ Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

+ Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

+ *Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tránh để bị đẩy vào thế cô lập.*

+ *Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.*

+ Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế.

+ Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

+ *Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.*

## ***2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại***

Trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định một cách nhất quán nhiệm vụ đối ngoại, mà nội dung cơ bản của nó tiếp tục được khẳng định lại trong Văn kiện Đại hội XI là: “giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Đại hội XII xác định và cụ thể hơn nội dung cơ bản

này, đó là: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Nhiệm vụ đối ngoại đã chỉ rõ yêu cầu đối với hoạt động đối ngoại trước hết phải bảo vệ được lợi ích dân tộc, tạo được môi trường hòa bình, ổn định để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Song, đặt cao lợi ích dân tộc không có nghĩa là từ bỏ lợi ích chân chính, mà còn góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Đảng, nhà nước Việt Nam trong điều kiện và khả năng thích hợp đối đầu với các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới, đấu tranh vì những mục tiêu mang tính thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**Đại hội XII cũng nêu rõ một số nhiệm vụ cụ thể trong công tác đối ngoại:**

+ *Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.* Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

+ *Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Kiên*

quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước. Tiếp tục hoàn thành việc phân định biên giới trên bộ, thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và quy tắc ứng xử của khu vực. Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng cộng đồng vững mạnh. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

+ *Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.* Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu.

+ *Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế,* thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc,

diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác.

+ *Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.*

+ *Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.*

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vai trò bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Liên hệ nhiệm vụ của mỗi người trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Trình bày Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng

3. Trình bày Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại của Đảng

4. Trách nhiệm của học sinh sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, đường lối đối ngoại của Đảng.

## XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### I. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

#### 1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Bản chất đó thể hiện ở bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân.*

##### *a. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*

+ Đảng lãnh đạo Nhà nước không có nghĩa là Đảng bao biện, làm thay Nhà nước, mà là để phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sắc bén và hiệu lực trong quản lý, điều hành của Nhà nước, đảm bảo thực hiện đường lối của Đảng trong thực tiễn. Đảng lãnh đạo Nhà nước là lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện ở chỗ: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn cho sự phát triển đất nước trong từng thời kỳ; Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách cụ thể và lãnh đạo tổ chức nhân dân thực thi Hiến pháp, Pháp luật và chính sách.

Đảng lãnh đạo Nhà nước tổ chức bộ máy tinh gọn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và trí tuệ; Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên trong các cơ quan Nhà nước làm tham mưu cho Đảng.

Phát huy vai trò trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát hoạt động và bảo vệ Nhà nước.

+ Toàn bộ hoạt động của Nhà nước đều thể hiện quan điểm quan điểm của giai cấp công nhân, thực hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

+ Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, của dân tộc là thống nhất. Nhân dân là người làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân của Nhà nước ta được quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa và thực hiện trên mọi lĩnh vực, mọi tổ chức, hoạt động của Nhà nước.

*b. Tính dân tộc và tính nhân dân của nhà nước pháp quyền XHCN VN*

### **Tính dân tộc của Nhà nước ta thể hiện:**

+ Nhà nước của dân, quyền lực thực sự ở nơi dân; chính quyền do nhân dân lập nên và tham gia quản lý.

+ Nhà nước thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân.

+ Cán bộ, công chức Nhà nước là công công bộc của dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

+ Trong tổ chức và hoạt động, Nhà nước ta kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam, có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ tổ quốc; giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ đối ngoại; kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân

*Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp*

### **2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những đặc trưng sau:*

*Thứ nhất, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân*

Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách mạng mà là công bộc của nhân dân. Là nhà nước của dân, do chính nhân dân lập qua thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự uỷ quyền quyền lực từ nhân dân.

dân chủ cộng hoà ở nước ta - Hiến pháp 1946: “Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” (Lời nói đầu - Hiến pháp 1946). Đặc điểm này của Nhà nước ta tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và 2013.

*Thứ hai, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp*

Trong Nhà nước pháp quyền, ý chí của nhân dân và sự lựa chọn chính trị được xác lập một cách tập trung nhất, đầy đủ nhất và cao nhất bằng Hiến pháp. Chính vì lẽ đó mà Hiến pháp được coi là Đạo luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sự hiện diện của Hiến pháp là điều kiện quan trọng nhất bảo đảm sự ổn định xã hội và sự an toàn của người dân.

Những quan điểm lớn, những nội dung cơ bản của Hiến pháp là cơ sở pháp lý quan trọng cho sự duy trì quyền lực nhà nước, cho sự làm chủ của nhân dân. Và đó chính là nền tảng có tính chất hiến định để xem xét, đánh giá sự hợp hiến hay không hợp hiến của các đạo luật, cũng như các quyết sách khác của Nhà nước và của các tính chất chính trị, tính chất xã hội.

Hiến pháp có một vai trò quan trọng như vậy trong việc duy trì quyền lực của nhân dân, cho nên, việc xây dựng và thực hiện một cơ chế hữu hiệu cho việc phát hiện, đánh giá và phán quyết về những quy định và hoạt động trái với Hiến pháp là rất cần thiết trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay.



*Thứ ba, Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội*

Pháp luật xã hội chủ nghĩa của chúng ta là kết quả của sự thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá giáo dục khoa học, đối nội, đối ngoại. Pháp luật thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vì vậy, nói đến pháp luật trong Nhà nước pháp quyền là nói đến tính pháp luật khách quan của các quy định pháp luật, chứ không phải chỉ nói đến nhu cầu đặt ra pháp luật, áp dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật một cách chung chung với mục đích tự thân của nó.

Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, pháp luật phải trở thành phương thức quan trọng đối với tính chất và hoạt động của Nhà nước và là thước đo giá trị phổ biến của xã hội ta: công bằng, dân chủ, bình đẳng - những tố chất cần thiết cho sự phát triển tiến bộ và bền vững của Nhà nước và xã hội ta.

Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự pháp luật và kỷ luật. Pháp luật thể chế hoá các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế Nhà nước. Vì vậy, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh nhất của xã hội. Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

*Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và tự do của công dân, giữ vững mối liên hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội*

Xét về bản chất, ngọn cờ bảo vệ quyền con người thuộc về các Nhà nước cách mạng chân chính, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh trên bảy mươi năm đầy gian khổ hy sinh của dân tộc Việt Nam vì độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng suy cho cùng, chính là vì quyền con người, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của cộng đồng dân tộc và của từng cá

nhân, từng con người. Do vậy, vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mở rộng quyền dân chủ, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, giữa công dân với Nhà nước... luôn được Đảng ta dành sự quan tâm đặc biệt. Văn kiện Đại hội Đảng IX xác định rõ những phương châm cơ bản: xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện (là cơ quan dân cử và các đoàn thể), làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước tại cơ sở. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

*Thứ năm, trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà nước*

Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), với “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, quan điểm về sự tồn tại của ba quyền và sự phân công, phối hợp giữa ba phạm vi quyền lực đó của Nhà nước mới được chính thức khẳng định trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, phát triển, vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam các tri thức của nhân loại và trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Nghị quyết đại hội XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đều có bổ sung quan tâm vấn đề kiểm soát quyền lực trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Theo đó nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được hoàn thiện một bước quan trọng. Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa ba quyền và quyền lực nhà nước là một quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo trong thiết kế mô hình

tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

*Thứ sáu, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo*

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan.

Đối với Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước ta thực sự là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, thực sự của dân, do dân và vì dân, để thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng bằng các hoạt động quản lý nhà nước, tổ chức tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

## **II. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

### **1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

*Một là, Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.*

Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ hiến pháp và pháp luật. (*Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội - 2016*).

*Hai là, Đổi mới tổ chức hoạt động của Quốc hội.*

Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số Ủy ban của Quốc hội; Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

*Ba là, Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, hiện đại.*

Luật hóa cơ cấu, tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo tinh gọn và hợp lý. Phân cấp mạnh, giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương.

*Bốn là, Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người.*

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Năm là, Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.*

Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân/ Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị và hải đảo.

*Sáu là Thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ công chức.*

Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức đào tạo bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức. Thực hiện chế độ trách

nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Có cơ chế kịp thời đưa ra khỏi bộ máy Nhà nước những công chức không xứng đáng, kém phẩm chất và năng lực.

## ***2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

*Một là, Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước*

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực Nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực Nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội theo hướng tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp. Xây dựng chương trình làm luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thực thi pháp luật. Làm tốt chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách Nhà nước.

Làm tốt chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như: sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước; chống tham nhũng, quan liêu; vấn đề bắt giam, điều tra truy tố, xét xử,... Việc giám sát của Quốc hội đối với hoạt động của Chính phủ của các cơ quan tư pháp được thực hiện dưới nhiều hình thức, trong đó có hình

thức báo cáo công tác và trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ, của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại các kỳ họp Quốc hội.

*Hai là, Xây dựng một nền hành chính Nhà nước dân chủ, vững mạnh, từng bước hiện đại*

Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước hết, tập trung điều chỉnh chức năng và phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng tăng cường quản lý vĩ mô các lĩnh vực hoạt động của toàn xã hội bằng hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Hoạt động của Chính phủ tập trung vào việc xây dựng thể chế, chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển tổng thể nền kinh tế quốc dân, giải quyết những vấn đề quan trọng mang tính liên ngành, vùng đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sắp xếp tinh gọn các cơ quan thuộc Chính phủ, bộ máy giúp việc của Chính phủ. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương được cải cách, kiện toàn theo nguyên tắc quyền lực của Nhà nước là thống nhất. Quyền lực của Nhà nước ở địa phương không tách rời quyền lực Nhà nước ở Trung ương; được phân cấp nhằm nâng cao tính chủ động, kết hợp chặt chẽ quản lý theo ngành và lãnh thổ.

Xây dựng và kiện toàn chính quyền xã, phường, thị trấn có đủ năng lực và phẩm chất để quản lý, giải quyết đúng thẩm quyền những vấn đề đặt ra. Xác định rõ trách nhiệm, của tập thể và trách nhiệm của cá nhân, trước hết là của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan Nhà nước, xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt quy chế làm việc.

Công cuộc cải cách bộ máy hành chính Nhà nước phải được lãnh đạo chặt chẽ và tiến hành đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, gắn với công cuộc đổi mới xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

*Ba là, Cải cách và kiện toàn các cơ quan tư pháp*

Ở nước ta, cơ quan tư pháp bao gồm Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra và các cơ quan tổ chức hỗ trợ tư pháp như tổ chức luật

sur, cơ quan công chứng, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, trong đó, Tòa án nhân dân là nơi biểu hiện tập trung của quyền tư pháp.

Tiếp tục cải cách, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tư pháp theo nguyên tắc nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt công tác điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử không để xảy ra oan sai.

Viện kiểm sát nhân dân không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát chung mà tập trung làm tốt các chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo mọi hành vi tội phạm đều bị phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đặc biệt là tội phạm an ninh quốc gia và tội phạm tham nhũng.

Sắp xếp lại hệ thống Tòa án nhân dân, phân định rõ thẩm quyền một cách hợp lý, tăng cường thẩm phán ở những địa bàn trọng điểm. Tổ chức lại các cơ quan điều tra theo nguyên tắc gọn đầu mối, có sự chỉ đạo tập trung thống nhất, kiện toàn cơ quan thi hành án và thành lập cảnh sát tư pháp. Cải cách và kiện toàn các cơ quan hỗ trợ tư pháp, cơ quan quản lý hành chính tư pháp.

*Bốn là, Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế*

Quyền làm chủ của nhân dân được hoàn thiện và thể chế hóa bằng pháp luật. Từng bước hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến nhân dân về những vấn đề quan trọng, cần thiết cho lãnh đạo và quản lý Nhà nước, đảm bảo những quyết sách lớn tập trung được những trí tuệ và phản ánh đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Bất cứ công dân nào vi phạm pháp luật, làm tổn hại quyền làm chủ của nhân dân đều phải được phê phán, uốn nắn, ngăn ngừa, những hành động độc đoán, chuyên quyền, ức hiếp dân phải được nghiêm trị theo pháp luật.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua những đại biểu do mình bầu ra. Đề cao tiêu chuẩn chất lượng của các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để “người đại diện cho dân” có đủ trí tuệ, phẩm chất, năng lực, thực sự có khả năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Mặt khác, mở rộng và thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp cơ sở, đảm bảo cho nhân dân trực tiếp tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề lớn, quan

trọng về những vấn đề kinh tế, tài chính liên quan đến lợi ích của đông đảo nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước vì dân, chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Nhà nước ta là Nhà nước của dân. Nhân dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý.

Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình từ thấp đến cao. Cần coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, gắn liền quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ công dân. Nhân dân có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân là tuân thủ pháp luật, tuân theo kỷ cương lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp, nộp thuế đầy đủ để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc.

Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể đều hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật. Không một tổ chức, cá nhân nào đứng ngoài, đứng trên pháp luật. Dân chủ bao giờ cũng đi liền với pháp chế, kỷ luật, kỷ cương. Kiên quyết đấu tranh, phê phán những hành vi thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, tự do tùy tiện. Nghiêm trị những hoạt động phá hoại, gây rối, thù địch. Kết hợp biện pháp hành chính với biện pháp giáo dục, quản lý chặt chẽ nội bộ. Dân chủ nội bộ trong Đảng và chính quyền để phát huy được dân chủ trong xã hội.

*Năm là, Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực*

Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của chế độ ta. Tiêu chuẩn chung của cán bộ trong thời kỳ đổi mới là:



Phải có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội, gán bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Có trình độ, hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn trên có quan hệ mật thiết với nhau. Đảng chủ trương hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức coi trọng cả năng lực và đạo đức nhưng lấy đức làm gốc. Bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển tạo cơ hội cho những người có đủ điều kiện được tuyển dụng làm cán bộ, công chức Nhà nước. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về đường lối, chính sách, kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội.

Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước theo đúng chức danh, tiêu chuẩn; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Định kỳ kiểm tra, đánh giá cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở; có chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

#### *Sáu là, Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng*

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân.

Phương châm chỉ đạo là tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy Nhà nước và toàn hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành,

từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp ở tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu, tập trung vào các hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, làm thất thoát tài sản Nhà nước, nhận hối lộ.

Tăng cường tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo và huy động lực lượng, đấu tranh chống tham nhũng, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp bộ Đảng. Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội. Tất cả mọi lực lượng đó có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi. Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên công chức về chính trị, tư tưởng đạo đức cách mạng. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, đảng viên. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước kê khai tài sản cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, cổ phiếu,...)

Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật, theo điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở những nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng. Có những biện pháp cụ thể bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Mỗi cấp bộ Đảng, chính quyền và mỗi cán bộ, công chức cần nhận thức sâu sắc và toàn diện những nội dung đã nêu trên, liên hệ thực trạng địa phương, ở

các cấp, ngành mình, đề ra những chủ trương, giải pháp phù hợp đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện tổ chức và hoạt động Nhà nước, phát huy tính dân chủ, tăng cường pháp chế góp phần làm trong sạch đội ngũ, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích và làm rõ bản chất, đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Liên hệ những giải pháp cần thiết để xây dựng chính quyền địa phương nơi bản thân học tập và công tác.

3. Phân tích nguyên nhân của tham nhũng và những giải pháp đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng nói chung và ở địa phương nơi bản thân học tập và công tác.

## PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

### I. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Đoàn kết dân tộc bắt nguồn từ điều kiện, hoàn cảnh tự nhiên và lịch sử của dân tộc Việt Nam, đồng thời, là thành quả của sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, phát triển quốc gia dân tộc, sự nuôi dưỡng, giáo dục, kế thừa và phát huy của các thế hệ người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trong thời đại hiện nay, đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề chiến lược, là tư tưởng nhất quán và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### 1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay được hình thành trên cơ sở lý luận đó là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc.

*a. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đoàn kết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*

#### **Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng:**

*+ Thực hiện đoàn kết dân tộc là một nội dung, một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa và là một điều kiện tất yếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Mặt khác, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng quan niệm: “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*”, “*quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử*”, “*sức mạnh của nhân dân là sức mạnh vô địch*”... Do đó, trong toàn bộ tiến trình cách mạng và để giành thắng lợi trong cuộc cách mạng vô sản, giai cấp công nhân cần phải xác lập được vai trò lãnh đạo của mình, cần phải biết cách lôi cuốn, tập hợp, động viên và tổ chức các tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong nước và trên thế giới tích cực tham gia cách mạng. Như vậy, đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế trở thành một nhiệm vụ

chiến lược xuyên suốt cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một tất yếu khách quan cũng đồng thời là một nhu cầu nội tại chủ quan của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

+ *Cơ sở, mục tiêu, những lực lượng và nguyên tắc đoàn kết dân tộc.*

**Một là**, Cơ sở xây dựng đoàn kết dân tộc đó là sự thống nhất về lợi ích căn bản giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp trong xã hội và giải quyết hài hòa các lợi ích đó trong đời sống hiện thực trên lập trường giai cấp công nhân

**Hai là**, về mục đích của đoàn kết dân tộc là nhằm giải phóng lao động, tiêu diệt chế độ nô lệ, làm thuê thiết lập một chế độ xã hội bình đẳng không phân biệt nam, nữ và dân tộc.

**Ba là**, lực lượng đoàn kết dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, là mọi thành viên trong xã hội không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội, nam, nữ...

**Bốn là**, nguyên tắc của đoàn kết dân tộc là khối đoàn kết dựa trên liên minh công - nông vững chắc và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

*b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - cơ sở lý luận quan trọng của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có sự bao quát rộng lớn và sâu sắc, phong phú trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

+ **Người cho rằng đoàn kết là điểm “mẹ”**, điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt. Từ đó, Người kêu gọi: “công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối”<sup>22</sup>. Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng việc đoàn kết, tập hợp các lực lượng của dân tộc như tiểu tư sản, trí thức, nhà buôn, điền chủ nhỏ... Đây chính là tư tưởng mở đường cho việc tổ chức mặt trận rộng lớn của dân tộc lấy công nông làm nòng cốt có đảng tiên phong lãnh đạo.

+ **Đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.**

---

<sup>22</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, NXB CTQG Hà Nội, 1995, tập 8 tr 214

Tư tưởng đoàn kết dân tộc của Người chính là sự phát triển sáng tạo, độc đáo truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, lý luận Mác - Lênin và tinh hoa văn hóa nhân loại, nó như một lẽ tự nhiên và tất yếu vừa là cơ sở lý luận, vừa là nội dung của đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể hiện bằng các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, là phương châm hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong xây dựng và phát huy đoàn kết dân tộc qua các giai đoạn cách mạng.

## **2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

+ *Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng và chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc trở thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam và thật sự là động lực chủ yếu và nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi của dân tộc và cách mạng.*

+ *Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình”, hòng chống phá cách mạng nước ta.*

Chúng ta triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; các khó khăn về kinh tế - xã hội; những thiếu sót, yếu kém trong quản lý xã hội để lôi kéo, kích động quần chúng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hòng làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang đứng trước những thách thức to lớn. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải phát huy mọi nguồn lực, trước hết là nguồn nội lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, bao gồm tất cả mọi thành viên, ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài, trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **II. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

### **1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn lực chủ yếu để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội VI của Đảng xác định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”.

Đại hội VIII khẳng định: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay”.

Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”.

Đại hội X tiếp tục phát huy tư tưởng của những kỳ đại hội trước: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Và nhấn mạnh: "Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu".

Đại hội XI khẳng định “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân...”.

Văn kiện Đại hội XII lần đầu tiên tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc được đưa vào làm thành tố của chủ đề Đại hội: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa...” và nhấn mạnh thêm “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Qua các kỳ đại hội đã thấy rõ quá trình phát triển tư duy của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc để phù hợp với nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Và cũng qua đó có thể rút ra một số quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thể hiện qua các nội dung sau:

- Về vị trí của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Đảng chỉ rõ: vấn đề dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân tộc vừa là chiến lược cơ bản lâu dài, vừa là vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam

- Về vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm



cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Về cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện trên cơ sở lợi ích và đảm bảo hài hòa các lợi ích chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc.

- Về lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh của cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bao gồm đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp xã hội, các thành phần kinh tế, các lứa tuổi ở mọi vùng miền của đất nước và đồng bào ta cư trú ở nước ngoài

- Về nguyên tắc đoàn kết dân tộc: Đảng chỉ rõ: Đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Đảng là hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Về ứng xử trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Để xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần phải thường xuyên có thái độ ứng xử đúng đắn. Đảng chỉ rõ: “xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”<sup>23</sup>.

- Về chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là “sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng”<sup>24</sup>

## **2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

### ***a. Những phương hướng cơ bản***

---

<sup>23</sup>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, tr240

<sup>24</sup>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tr14

**Một là**, quán triệt sâu sắc thực hiện đồng bộ các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đây là cơ sở vững chắc đảm bảo cho xã hội phát triển và ổn định tạo cơ sở để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nền tảng vật chất và tinh thần để xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Hai là**, thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, quan hệ xã hội.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, đồng thời dân chủ còn là phương thức tiến bộ nhất để nhân dân tham gia quản lý xã hội, quản lý Nhà nước.

**Ba là**, tổ chức và động viên các tầng lớp nhân dân các dân tộc tham gia các phong trào thi đua yêu nước để tập hợp, động viên nhân dân, tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội phát động là hình thức hoạt động tích cực, có hiệu quả cao để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển đất nước.

**Bốn là**, thực hiện hệ thống các chính sách đúng đắn, kịp thời đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, tạo nên một cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu thành phần kinh tế phát triển tích cực, phù hợp với sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

### **b. Những giải pháp chủ yếu**

**Thứ nhất**, thường xuyên nâng cao giác ngộ về đại đoàn kết toàn dân tộc cho cả hệ thống chính trị và toàn dân

Xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân tộc, do Đảng lãnh đạo. Là chủ thể xây dựng và thực hành đại đoàn kết toàn dân tộc, hệ thống chính trị và đồng bào các dân tộc trước hết phải có sự giác ngộ sâu sắc về khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây

là cơ sở, là điều kiện tiên quyết để xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

**Thứ hai**, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, thực tiễn của đất nước, tình hình khu vực và thế giới trong mỗi giai đoạn để có chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đúng đắn, sáng tạo

**Thứ ba**, nắm vững tư tưởng chỉ đạo về chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy nội lực dân tộc, đề cao vai trò các chủ thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dù ở giai đoạn nào thì sức mạnh nội lực dân tộc vẫn là nhân tố cơ bản, chủ yếu quyết định đến thắng lợi của cách mạng. Bài học về phát huy sức mạnh nội lực dân tộc đã, đang và vẫn là bài học quý báu và mang tính thời sự. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là con đường, phương thức chủ yếu để phát huy nội lực dân tộc. Mặt khác, trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thì sức mạnh nội lực dân tộc lại là yếu tố quyết định. Vì vậy, Đảng, Nhà nước phải luôn chú trọng chăm lo bồi dưỡng sức dân, luôn khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực trong nhân dân, giải phóng mọi tiềm năng của đất nước và đặc biệt là phát huy cao độ, tính chủ động, tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Thứ tư**, thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch

Chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam là bản chất, âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, phản động. Đấu tranh chống mọi biểu hiện chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch đòi hỏi phải thường xuyên tích cực, chủ động, kịp thời, toàn diện, đồng bộ; có nội dung và phương pháp đấu tranh phù hợp; phải phát huy mọi lực lượng, đề cao tinh thần trách nhiệm của hệ thống chính trị các cấp, của các cơ quan chức năng, bộ phận chuyên trách, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các nhà khoa học và toàn dân.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
2. Trình bày Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng
3. Anh (Chị) sẽ làm gì để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc

## BÀI 9

### TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

#### I. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

##### 1. Người công dân tốt

Người công dân tốt, theo nghĩa chung nhất, là người thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ mình trong mọi hoàn cảnh và điều đó được đánh giá từ cộng đồng, xã hội.

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam (điều 19, khoản 1, hiến pháp 2013). Người công dân tốt là người thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp và pháp luật quy định.

- Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiến nghị với cơ quan nhà nước các vấn đề chung của cơ sở, địa phương và cả nước; công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật; nghĩa vụ thiêng liêng của công dân là trung thành và bảo vệ tổ quốc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, nơi làm việc, quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế, sáng tạo văn học, nghệ thuật; được hưởng lợi ích từ các hoạt động đó và chế độ chăm sóc sức khoẻ y tế; thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi, dạy con thành người công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ. Trẻ em được

gia đình, xã hội và Nhà nước bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Thanh niên được tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

- Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.

- Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý; có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

- Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Sinh viên được đào tạo nghề phải thể hiện mình là người có kiến thức, có kỹ năng, có hành động đúng với quy tắc xử sự văn minh để thể hiện mình là một người công dân tốt.

## ***2. Người lao động tốt***

Người lao động tốt là người công dân tốt đang ở độ tuổi lao động. Về độ tuổi lao động, thời gian lao động thì người lao động và chủ thể sử dụng lao động phải tuân thủ theo Bộ luật Lao động hiện hành.

Lao động là hoạt động sản xuất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Thế nên, cần thực hiện các giải pháp nhằm phát triển lực lượng lao động.

- Người lao động phải được đào tạo nghề, thuần thục các thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện, máy móc theo đúng kỹ thuật, nhằm tiết kiệm công sức, thời gian, kinh phí, tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường; kết quả tốt nghiệp trình độ đào tạo cao đẳng nghề thể hiện qua văn bằng, chứng chỉ được cấp theo luật giáo dục nghề nghiệp. Đây cũng là một trong những cơ sở xác định vị trí việc làm, mức lương của người lao động.

- Người lao động cần xác định vị trí, việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo nhằm góp phần xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhằm thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Người lao động cần được bồi dưỡng, huấn luyện công nghệ, kỹ thuật mới để nâng trình độ tay nghề, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc độc lập là nhân tố quyết định tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội. Đây cũng là cơ sở đo lường năng suất lao động, giá trị sức lao động nhằm định mức thu nhập cho người lao động.

- Người lao động cần được đào tạo về ngoại ngữ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng ứng xử... để người lao động thích ứng với sự thay đổi, đáp ứng được tiêu chuẩn vị trí việc làm của khu vực để có thể thực hiện dịch chuyển lao động trên thị trường lao động các nước khu vực. Nhà trường cần phối hợp với doanh nghiệp để đưa chương trình đào tạo sát với thực tế nhu cầu xã hội; chủ động trong công tác kết nối với doanh nghiệp, để giúp sinh viên có nơi thực tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tìm việc làm đúng với chuẩn đầu ra.

Song song với những giải pháp phát triển năng lực cho người lao động thì người lao động cần rèn luyện phẩm chất đạo đức của mình

- Người lao động tốt là người chấp hành kỷ luật lao động. Cụ thể, là những quy định về việc tuân thủ thời gian, quy trình công nghệ và phối hợp trong tổ chức, bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, thể hiện trong nội quy lao động. Việc chấp hành tốt kỷ luật lao động là yêu cầu cơ bản, bản chất của người lao động trong thời đại mới. Nếu người lao động vô kỷ luật sẽ gây ảnh hưởng đến người

lao động khác, đến tập thể trong tổ chức và xã hội; ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc gây ra những thiệt hại về vật chất, tài sản...

- Người lao động tốt là người yêu nghề, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, say mê nghiên cứu, sáng tạo trong quá trình làm việc.

- Người lao động tốt là người tự chủ trong công việc, đoàn kết với tập thể và kiên trì với công việc.

Đáy cũng chính là cấu trúc nhân cách của một con người, một người lao động tốt với đầy đủ cả “đức” và “tài”.

## **II. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt**

Hoạt động “dạy” và “học” với mục tiêu chung là trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để người học trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

### ***1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam***

Dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, sự gắn bó nhà, làng, nước đã hun đúc tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của mỗi người dân. Truyền thống dân tộc, là bài học lịch sử quý báu truyền trao cho thế hệ sau nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức tốt của mỗi người dân, tiếp nối truyền thống yêu nước hào hùng, xây dựng lòng tự hào dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Trung với nước, hiếu với dân” là chuẩn mực đạo đức cách mạng quan trọng nhất quy định hành vi, ứng xử của cá nhân đối với cộng đồng. Ngày nay, thế hệ trẻ cần hiểu trung với nước là trung thành với sự nghiệp cách mạng mà Đảng, nhân dân và Bác Hồ đã chọn. Nhận thức rõ con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một tất yếu khách quan. Vì vậy, cần có ý chí quyết tâm học tập và rèn luyện, góp sức vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



Người học nhận thức rõ đất nước là của nhân dân, do dân, vì dân. Trách nhiệm của người dân trong công cuộc đổi mới là tương lai của dân tộc, hạnh phúc của mỗi gia đình.

Muốn vậy, phải chung sức chăm lo công tác giáo dục, xây dựng môi trường lành mạnh, khơi dậy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp để hạn chế những hành vi sai trái, suy thoái về đạo đức, lối sống. Hình thành và phát triển các giá trị đạo đức chuẩn mực cho sinh viên trong thời đại mới là nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Cụ thể:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, xác định quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân.

- Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân, trục lợi bản thân.

- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

## ***2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân***

Hồ Chí Minh đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công lao học tập của các cháu”. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu thì tư tưởng của Bác về đào tạo đoàn viên thanh niên, đặc biệt đoàn viên thanh niên là sinh viên thành

những người vừa “hồng” vừa “chuyên” có ý nghĩa thiết thực vô cùng to lớn. Khái niệm “hồng” mà Bác nói ở đây chính là đạo đức, nhân cách, lối sống, “chuyên” là khả năng thực hiện chuyên môn, là kiến thức, là nghiệp vụ. “Hồng” và “chuyên” gắn bó chặt chẽ với nhau nhằm phát triển con người toàn diện cả “đức” và “tài”. Thế nên, sinh viên là người công dân tốt, người lao động tốt cần phải:

- Chấp hành quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường.

- Có động cơ học tập đúng đắn, đạt mục tiêu kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, có ý thức chấp hành kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức, hình thành tác phong công nghiệp.

- Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiên bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng toàn dân.

- Có lối sống lành mạnh, tự tin vào bản thân, vượt qua những khó khăn thử thách, những cám dỗ của các thế lực xấu.

- Có tinh thần phê bình và tự phê. Phân biệt cái sai, tôn trọng lẽ phải.

- Trung thực, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, không bao che khuyết điểm của cá nhân và của người khác.

- Nhận thức rõ đạo đức nghề nghiệp để thực hiện hành vi đúng, tôn trọng các giá trị đạo đức nhân văn.

Sinh viên được đào tạo nghề phải thạo nghề, tư duy sáng tạo kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, có kỹ năng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân, tập thể và xã hội. Thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức cơ bản như: Hiếu kính đối với ông bà, cha mẹ; yêu thương, nhường nhịn anh em; nghiêm khắc với bản thân, hòa đồng với bạn bè; kiên trì học tập, say mê nghiên cứu; bảo vệ môi trường; chấp hành luật pháp...

## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2. Trình bày nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.